

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3443 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt danh sách người đủ điều kiện
dự thi tuyển công chức Thành phố Hà Nội năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 15/5/2022 của UBND Thành phố về việc thành lập Hội đồng thi tuyển công chức thành phố Hà Nội năm 2022;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 2696 /TTr-HĐTT ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng thi tuyển công chức về việc Phê duyệt danh sách đủ điều kiện dự thi tuyển công chức Thành phố Hà Nội năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 1.284 người đủ điều kiện dự thi tuyển công chức năm 2022 (chi tiết có danh sách Biểu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Hội đồng thi tuyển công chức Thành phố; Giám đốc các sở, cơ quan tương đương sở, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã có liên quan và cá nhân có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- PCT TT UBND TP: Lê Hồng Sơn;
- Hội đồng TTCC ;
- Ban Giám sát ;
- VP UBND TP: PCVP Võ Tuấn Anh ; NC, TKBT, KT;
- Lưu: VT, SNV(ccvc).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Sơn

DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: **3443** /QĐ-UBND ngày **22**/tháng **9** năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1	Phan Hải Anh	31/3/1989	Nữ	ĐH	TTR	Luật Kinh tế	1	Ban Tiếp Công dân TP	Luật Kinh tế; Văn thư-Lưu trữ	Anh	
2	Nguyễn Thị Bích Hường	07/5/1986	Nữ	ĐH	TTR	Luật Kinh tế	1	Ban Tiếp Công dân TP	Luật Kinh tế; Văn thư-Lưu trữ	Anh	
3	Nguyễn Thị Thanh Huyền	02/9/1999	Nữ	ĐH	TTR	Luật Kinh tế	1	Ban Tiếp Công dân TP	Luật Kinh tế; Văn thư-Lưu trữ	Anh	
4	Lê Thanh Long	20/02/1995	Nam	ĐH	TTR	Lưu trữ học	1	Ban Tiếp Công dân TP	Luật Kinh tế; Văn thư-Lưu trữ	Anh	
5	Nguyễn Thị Ngọc Mai	01/9/1999	Nữ	ĐH	TTR	Luật kinh tế	1	Ban Tiếp Công dân TP	Luật Kinh tế; Văn thư-Lưu trữ	Anh	
6	Phùng Thành Nam	05/10/1998	Nam	ĐH	TTR	Luật kinh tế	1	Ban Tiếp Công dân TP	Luật Kinh tế; Văn thư-Lưu trữ	Anh	
7	Nguyễn Thị Ngà	04/08/1981	Nữ	ĐH	TTR	Luật Kinh tế	1	Ban Tiếp Công dân TP	Luật Kinh tế; Văn thư-Lưu trữ	MNN	
8	Nguyễn Kim Anh	11/02/1999	Nữ	ĐH	TTR	Luật kinh tế	2	Ban Tiếp Công dân TP	Luật Kinh tế	Anh	
9	Nguyễn Quang Đạo	19/5/1990	Nam	ĐH	TTR	Luật kinh tế	2	Ban Tiếp Công dân TP	Luật Kinh tế	Anh	
10	Đỗ Tuấn Hoàng	22/12/1999	Nam	ĐH	TTR	Luật kinh tế	2	Ban Tiếp Công dân TP	Luật Kinh tế	Anh	
11	Nguyễn Quang Huy	06/11/1996	Nam	ĐH	TTR	Luật Kinh tế	2	Ban Tiếp Công dân TP	Luật Kinh tế	Anh	
12	Trần Huyền Thanh	20/10/2000	Nữ	ĐH	TTR	Luật kinh tế	2	Ban Tiếp Công dân TP	Luật Kinh tế	Anh	
13	Nguyễn Mạnh Tường	11/8/2000	Nam	ĐH	TTR	Luật Kinh tế	2	Ban Tiếp Công dân TP	Luật Kinh tế	Anh	
14	Lê Hải Vân	12/8/1998	Nữ	ĐH	TTR	Luật Kinh tế	2	Ban Tiếp Công dân TP	Luật Kinh tế	Anh	
15	Hoàng Quang Vinh	10/01/1990	Nam	ĐH	TTR	Luật kinh tế	2	Ban Tiếp Công dân TP	Luật Kinh tế	Anh	DTTS
16	Đỗ Hải Anh	16/03/1999	Nữ	ĐH	TTR	Luật	3	Ban Tiếp Công dân TP	Luật	Anh	
17	Nguyễn Thị Mỹ Anh	02/9/2000	Nữ	ĐH	TTR	Luật	3	Ban Tiếp Công dân TP	Luật	Anh	
18	Hà Quang Bách	06/11/2000	Nam	ĐH	TTR	Luật	3	Ban Tiếp Công dân TP	Luật	Anh	
19	Trần Tiến Đạt	8/7/1999	Nam	ĐH	TTR	Luật kinh doanh	3	Ban Tiếp Công dân TP	Luật	Anh	
20	Nguyễn Thị Thùy Dung	11/9/2000	Nữ	ĐH	TTR	Luật	3	Ban Tiếp Công dân TP	Luật	Anh	
21	Nguyễn Trung Dũng	06/6/1990	Nam	ĐH	TTR	Luật	3	Ban Tiếp Công dân TP	Luật	Anh	SQDB
22	Triệu Văn Hiệp	16/7/2000	Nam	ĐH	TTR	Luật	3	Ban Tiếp Công dân TP	Luật	Anh	
23	Nguyễn Quang Hiếu	15/11/1998	Nam	ĐH	TTR	Luật	3	Ban Tiếp Công dân TP	Luật	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
24	Nguyễn Quang Học	20/12/1989	Nam	ĐH	TTR	Luật	3	Ban Tiếp Công dân TP	Luật	Anh	
25	Triệu Tuấn Huy	08/5/1999	Nam	ĐH	TTR	Luật	3	Ban Tiếp Công dân TP	Luật	Anh	
26	Lý Vương Khanh	17/3/2000	Nữ	ĐH	TTR	Luật	3	Ban Tiếp Công dân TP	Luật	Anh	DTTS
27	Trần Tuyết Linh	10/6/1989	Nữ	ĐH	TTR	Luật	3	Ban Tiếp Công dân TP	Luật	Anh	
28	Nguyễn Khánh Ly	21/12/2000	Nữ	ĐH	TTR	Luật	3	Ban Tiếp Công dân TP	Luật	Anh	
29	Đặng Thương Thương	20/10/1991	Nữ	Ths	TTR	Luật học	3	Ban Tiếp Công dân TP	Luật	Anh	
30	Nguyễn Dương Diệu Thúy	08/7/1997	Nữ	ĐH	TTR	Luật	3	Ban Tiếp Công dân TP	Luật	MNN	
31	Nguyễn Thu Hằng	06/02/1991	Nữ	Ths	CT	Quản trị kinh doanh	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Quản trị kinh doanh	Anh	
32	Phạm Xuân Hoà	20/12/1992	Nam	ĐH	CT	Quản trị kinh doanh	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Quản trị kinh doanh	Anh	CBB
33	Nguyễn Duy Khánh	23/9/1997	Nam	ĐH	CT	Quản trị kinh doanh	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Quản trị kinh doanh	Anh	
34	Nguyễn Đức Hoàng Long	11/8/2000	Nam	ĐH	CT	Quản trị kinh doanh	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Quản trị kinh doanh	Anh	
35	Doãn Hằng Ngọc	14/12/1999	Nữ	ĐH	CT	Quản trị kinh doanh	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Quản trị kinh doanh	Anh	
36	Nguyễn Thị Minh Ngọc	13/01/2000	Nữ	ĐH	CT	Quản trị kinh doanh (Đào tạo bằng tiếng anh)	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Quản trị kinh doanh	Anh	
37	Mai Hồng Nguyên	09/6/1989	Nữ	ĐH	CT	Quản trị kinh doanh	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Quản trị kinh doanh	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
38	Vi Thị Hà Nhi	01/02/1999	Nữ	ĐH	CT	Quản trị kinh doanh	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Quản trị kinh doanh	Anh	DTTS
39	Hoàng Thị Minh Thu	01/11/1997	Nữ	ĐH	CT	Quản trị kinh doanh	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Quản trị kinh doanh	Anh	
40	Phạm Anh Tuấn	07/11/1987	Nam	ĐH	CT	Quản trị kinh doanh tổng hợp	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Quản trị kinh doanh	Anh	
41	Đỗ Xuân Tùng	09/3/1998	Nam	ĐH	CT	Quản trị kinh doanh	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Quản trị kinh doanh	MNN	
42	Đào Quang Vinh	22/9/1990	Nam	ĐH	CT	Quản lý kinh doanh	4	Phòng Xuất nhập khẩu - Thị trường và thương nhân nước ngoài, Sở Công thương	Quản trị kinh doanh	Anh	
43	Nông Thị Hồng Hạnh	06/02/1984	Nữ	ĐH	NV1	Luật	5	Văn phòng Sở Du lịch	Luật	Anh	DTTS
44	Hà Khắc Bảo Hưng	13/10/1997	Nam	ĐH	NV1	Luật Kinh tế	5	Văn phòng Sở Du lịch	Luật	Anh	
45	Hoàng Ngọc Linh	29/8/2000	Nữ	ĐH	NV1	Luật	5	Văn phòng Sở Du lịch	Luật	Anh	
46	Nguyễn Thị Duyên	19/10/1995	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý nhà nước	6	Văn phòng Sở Du lịch	Quản lý nhà nước; Quản lý hành chính công.	MNN	
47	Vũ Thị Thu Hải	18/8/1993	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý nhà nước	6	Văn phòng Sở Du lịch	Quản lý nhà nước; Quản lý hành chính công.	Anh	
48	Chu Thị Hồng Hạnh	15/11/1997	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý nhà nước	6	Văn phòng Sở Du lịch	Quản lý nhà nước; Quản lý hành chính công.	Anh	
49	Nguyễn Mạnh Tuấn Hùng	13/12/1999	Nam	ĐH	NV1	Quản lý nhà nước	6	Văn phòng Sở Du lịch	Quản lý nhà nước; Quản lý hành chính công.	Anh	
50	Nguyễn Thị Như Nguyệt	12/9/1999	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý nhà nước	6	Văn phòng Sở Du lịch	Quản lý nhà nước; Quản lý hành chính công.	Anh	
51	Nguyễn Thị Hồng Tâm	28/12/1993	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý nhà nước	6	Văn phòng Sở Du lịch	Quản lý nhà nước; Quản lý hành chính công.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điện ưu tiên
52	Giàng A Vàng	28/8/1998	Nam	ĐH	NV1	Quản lý nhà nước	6	Văn phòng Sở Du lịch	Quản lý nhà nước; Quản lý hành chính công.	Anh	DTTS
53	Hoàng Duy Vinh	14/4/1998	Nam	ĐH	NV1	Quản lý nhà nước	6	Văn phòng Sở Du lịch	Quản lý nhà nước; Quản lý hành chính công.	Anh	
54	Nguyễn Thị Xuân	25/4/1994	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý nhà nước	6	Văn phòng Sở Du lịch	Quản lý nhà nước; Quản lý hành chính công.	Anh	
55	Đỗ Thị Mai Anh	01/8/1996	Nữ	ĐH	DL	Quản lý Văn hóa	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Văn hóa du lịch; Quản lý văn hóa; Du lịch lữ hành; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Quản trị lữ hành; Hướng dẫn viên du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch	Anh	
56	Đỗ Thu Hằng	10/5/1990	Nữ	ĐH	DL	Quản lý Văn hóa	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Văn hóa du lịch; Quản lý văn hóa; Du lịch lữ hành; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Quản trị lữ hành; Hướng dẫn viên du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch	Anh	
57	Trịnh Công Huy	03/10/2000	Nam	ĐH	DL	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Văn hóa du lịch; Quản lý văn hóa; Du lịch lữ hành; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Quản trị lữ hành; Hướng dẫn viên du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch	Anh	
58	Tạ Thị Thanh Nhân	31/5/2000	Nữ	ĐH	DL	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Văn hóa du lịch; Quản lý văn hóa; Du lịch lữ hành; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Quản trị lữ hành; Hướng dẫn viên du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch	Anh	
59	Bùi Nhật Quang	16/11/1991	Nam	ĐH	DL	Quản trị du lịch	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Văn hóa du lịch; Quản lý văn hóa; Du lịch lữ hành; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Quản trị lữ hành; Hướng dẫn viên du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch	MNN	
60	Vũ Minh Thành	02/11/1991	Nam	ĐH	DL	Quản trị Du lịch	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Văn hóa du lịch; Quản lý văn hóa; Du lịch lữ hành; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Quản trị lữ hành; Hướng dẫn viên du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch	MNN	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
61	Nguyễn Thị Thảo	08/9/1991	Nữ	Ths	DL	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Văn hóa du lịch; Quản lý văn hóa; Du lịch lữ hành; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Quản trị lữ hành; Hướng dẫn viên du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch	Anh	
62	Bùi Hồng Thi	08/8/1998	Nam	ĐH	DL	Quản lý Văn hóa	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Văn hóa du lịch; Quản lý văn hóa; Du lịch lữ hành; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Quản trị lữ hành; Hướng dẫn viên du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch	Anh	DTTS
63	Ngô Thị Thương	22/9/1990	Nữ	Ths	DL	Quản lý Văn hóa	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Văn hóa du lịch; Quản lý văn hóa; Du lịch lữ hành; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Quản trị lữ hành; Hướng dẫn viên du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch	Anh	
64	Lê Thị Thúy	08/5/1988	Nữ	ĐH	DL	Văn hóa	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Văn hóa du lịch; Quản lý văn hóa; Du lịch lữ hành; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Quản trị lữ hành; Hướng dẫn viên du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch	Anh	CBB
65	Đỗ Thị Thùy	16/9/1988	Nữ	Ths	DL	Quản lý Văn hóa	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Văn hóa du lịch; Quản lý văn hóa; Du lịch lữ hành; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Quản trị lữ hành; Hướng dẫn viên du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch	MNN	
66	Lê Minh Toàn	17/6/1998	Nam	ĐH	DL	Quản lý văn hóa	7	Phòng Quản lý Lữ hành, Sở Du lịch	Văn hóa du lịch; Quản lý văn hóa; Du lịch lữ hành; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Quản trị lữ hành; Hướng dẫn viên du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch	Anh	
67	Đỗ Phương Anh	17/7/1998	Nữ	ĐH	NV3	Công tác xã hội	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Pháp	
68	Mai Thị Ngọc Anh	27/12/1988	Nữ	Ths	NV3	Công tác xã hội	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	
69	Phùng Thị Lan Anh	21/7/1993	Nữ	ĐH	NV3	Quản trị nhân lực	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
70	Nguyễn Thị Hồng Biền	19/3/1992	Nữ	ĐH	NV3	Công Tác xã hội	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	DTTS
71	Hàn Ngọc Diễm	05/6/1998	Nữ	ĐH	NV3	Công tác xã hội	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	
72	Nguyễn Mạnh Duy	20/3/1995	Nam	ĐH	NV3	Quản trị nhân lực	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	
73	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	12/02/1994	Nữ	ĐH	NV3	Quản trị nhân lực	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	
74	Huỳnh Văn Hoàng	15/6/1995	Nam	ĐH	NV3	Quản trị nhân lực	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	
75	Nguyễn Trí Huy	26/8/1995	Nam	ĐH	NV3	Công tác xã hội	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	
76	Lê Khánh Huyền	20/4/1996	Nữ	ĐH	NV3	Quản trị nguồn nhân lực	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	MNN	
77	Nguyễn Thanh Huyền	22/12/1988	Nữ	ĐH	NV3	Quản trị nhân lực	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	
78	Tạ Thị Huyền	16/3/1989	Nữ	ĐH	NV3	Công Tác xã hội	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	
79	Triệu Thị Linh	28/8/1994	Nữ	ĐH	NV3	Công tác xã hội	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	DTTS
80	Trương Kiều My	29/5/1993	Nữ	ĐH	NV3	Công tác Xã hội	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	
81	Dương Thị Phương	27/3/1991	Nữ	Ths	NV3	Công tác xã hội	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	
82	Lê Tôn Quý	21/11/1996	Nam	ĐH	NV3	Công tác xã hội	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	
83	Nguyễn Thị Quỳnh	18/01/1989	Nữ	Ths	NV3	Công tác xã hội	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	CDCD

TT	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
84	Phùng Thị Thu	Thảo	10/10/1997	Nữ	ĐH	NV3	Quản trị nhân lực	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	
85	Nguyễn Đình	Trang	09/08/1992	Nam	ĐH	NV3	Quản trị nhân lực	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	MNN	
86	Phạm Minh	Trang	18/4/1997	Nữ	ĐH	NV3	Công tác xã hội	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	
87	Nguyễn Chính	Tuấn	14/4/1996	Nam	ĐH	NV3	Quản trị nhân lực	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	
88	Chu Thị	Vân	07/10/1988	Nữ	ĐH	NV3	Quản trị nhân lực	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	
89	Nguyễn Tuấn	Việt	09/01/1998	Nam	ĐH	NV3	Công tác xã hội	8	Phòng Tổ chức, Thanh tra sở GTVT	Quản trị Nhân lực; Công tác XH.	Anh	
90	Phan Long	Hợp	29/12/1987	Nam	ĐH	NV1	Kinh tế xây dựng	9	Phòng Hành chính quản trị, Thanh tra sở GTVT	Xây dựng; Kiến trúc	Anh	CBB
91	Nguyễn Cao	Kỳ	26/8/1989	Nam	ĐH	NV1	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	9	Phòng Hành chính quản trị, Thanh tra sở GTVT	Xây dựng; Kiến trúc	Anh	
92	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	14/6/1990	Nữ	ĐH	NV1	Kiến trúc	9	Phòng Hành chính quản trị, Thanh tra sở GTVT	Xây dựng; Kiến trúc	Anh	
93	Nguyễn Quốc	Việt	02/7/1991	Nam	ĐH	NV1	Kiến trúc	9	Phòng Hành chính quản trị, Thanh tra sở GTVT	Xây dựng; Kiến trúc	Anh	HTNV
94	Nguyễn Việt	Anh	30/10/1990	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng cầu đường	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Xây dựng Cầu Đường; Vận tải	Anh	
95	Mai Đức	Bảy	10/11/1997	Nam	ĐH	TTR	Quản lý xây dựng công trình giao thông	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Xây dựng Cầu Đường; Vận tải	Anh	
96	Cần Văn	Giáp	21/01/1990	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng công trình giao thông	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Xây dựng Cầu Đường; Vận tải	Anh	
97	Trần Xuân	Hành	06/01/1984	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng cầu đường	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Xây dựng Cầu Đường; Vận tải	Anh	
98	Nguyễn Quang	Học	04/4/1990	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng cầu đường	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Xây dựng Cầu Đường; Vận tải	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
99	Bùi Sỹ Huấn	18/9/1996	Nam	ĐH	TTR	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Xây dựng Cầu Đường; Vận tải	Anh	
100	Nguyễn Vũ Huy	08/11/1997	Nam	ĐH	TTR	Công nghệ kỹ thuật xây dựng cầu đường	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Xây dựng Cầu Đường; Vận tải	Anh	
101	Hoàng Văn Kết	08/5/1989	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng công trình giao thông	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Xây dựng Cầu Đường; Vận tải	Anh	
102	Lê Xuân Lượng	03/02/1995	Nam	ĐH	TTR	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Xây dựng Cầu Đường; Vận tải	Anh	
103	Hồ Thị Minh Nguyệt	21/01/1997	Nữ	ĐH	TTR	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Xây dựng Cầu Đường; Vận tải	Anh	
104	Nguyễn Đình Phong	12/7/1992	Nam	ĐH	TTR	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Xây dựng Cầu Đường; Vận tải	Anh	
105	Đặng Thành Trung	25/02/1985	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng cầu đường	10	Phòng Tham mưu tổng hợp, Thanh tra sở GTVT	Xây dựng Cầu Đường; Vận tải	Anh	
106	Phạm Tuấn Hưng	6/7/1999	Nam	ĐH	TTR	Logistics và vận tải đa phương thức	11	Phòng Thanh tra HC, Thanh tra sở GTVT	Logistics; Vận tải đa phương thức	Anh	
107	Vũ Thị Hằng	15/11/1987	Nữ	ĐH	TTR	Kế toán	12	Đội Thanh tra GTVT huyện Ba	Kế toán	Anh	
108	Kiều Thu Huyền	02/4/1998	Nữ	ĐH	TTR	Kế toán	12	Đội Thanh tra GTVT huyện Ba	Kế toán	Anh	
109	Bùi Ngọc Mai	02/12/1997	Nữ	ĐH	TTR	Kế toán	12	Đội Thanh tra GTVT huyện Ba	Kế toán	Anh	
110	Nguyễn Ngọc Minh	09/4/1983	Nam	ĐH	TTR	Kế toán	12	Đội Thanh tra GTVT huyện Ba	Kế toán	Anh	
111	Phùng Huyền My	10/8/2000	Nữ	ĐH	TTR	Kế toán	12	Đội Thanh tra GTVT huyện Ba	Kế toán	Anh	
112	Vũ Thị Nhung	22/4/1986	Nữ	ĐH	TTR	Kế toán	12	Đội Thanh tra GTVT huyện Ba	Kế toán	Anh	
113	Phạm Thị Minh Tâm	05/10/1990	Nữ	ĐH	TTR	Kế toán	12	Đội Thanh tra GTVT huyện Ba	Kế toán	Anh	
114	Chu Thị Thu Thảo	11/7/1991	Nữ	ĐH	TTR	Kế toán	12	Đội Thanh tra GTVT huyện Ba	Kế toán	Anh	
115	Nguyễn Thị Yến	04/02/1990	Nữ	ĐH	TTR	Luật	13	Đội Thanh tra GTVT thị xã Sơn Tây	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
116	Nguyễn Duy Anh	25/5/1998	Nam	ĐH	TTR	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	14	Đội Thanh tra GTVT huyện Ứng Hòa	XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
117	Nguyễn Huy Dương	20/01/1989	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng cầu đường	14	Đội Thanh tra GTVT huyện Ứng Hòa	XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
118	Nguyễn Văn Nghĩa	07/01/1978	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng cầu đường	14	Đội Thanh tra GTVT huyện Ứng Hòa	XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
119	Nguyễn Thế Hiệp	23/8/1998	Nam	ĐH	TTR	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	15	Đội Thanh tra GTVT huyện Chương Mỹ	XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
120	Nguyễn Nam Quang	14/01/1999	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng cầu đường bộ	15	Đội Thanh tra GTVT huyện Chương Mỹ	XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
121	Vũ Văn Bảo	01/8/1992	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng cầu đường	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
122	Nguyễn Văn Bình	10/10/1993	Nam	ĐH	TTR	Luật	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
123	Bùi Thị Hạnh	7/11/1999	Nữ	ĐH	TTR	Luật	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Trung	DTTS
124	Trần Xuân Hưng	08/10/1982	Nam	ĐH	TTR	Luật Kinh tế	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
125	Nguyễn Đức Kha	23/02/1977	Nam	ĐH	TTR	Luật	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	QNCNPV
126	Trần Đức Khánh	12/7/1998	Nam	ĐH	TTR	Kinh tế vận tải	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
127	Nguyễn Bá Kiên	20/5/1998	Nam	ĐH	TTR	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
128	Lê Đình Linh	16/7/1993	Nam	ĐH	TTR	Luật	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
129	Đàm Thăng Long	19/8/1996	Nam	ĐH	TTR	Luật quốc tế	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
130	Lê Minh Phương	17/3/1997	Nữ	Ths	TTR	Luật	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
131	Đỗ Công Thương	23/9/1996	Nam	ĐH	TTR	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
132	Nguyễn Thị Thu Trang	30/9/1991	Nữ	ĐH	TTR	Luật	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	MNN	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
133	Đặng Minh Tuấn	20/01/1997	Nam	ĐH	TTR	Luật	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
134	Đỗ Quốc Tuấn	29/3/1993	Nam	ĐH	TTR	Công nghệ kỹ thuật xây dựng cầu đường bộ	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
135	Thân Văn Tuấn	01/4/1979	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng cầu đường	16	Đội Thanh tra GTVT huyện Mê Linh	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
136	Nguyễn Thị Hiền	26/01/1992	Nữ	ĐH	TTR	Công nghệ thông tin	17	Đội Thanh tra GTVT huyện Phúc Thọ	Công nghệ thông tin; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
137	Lê Thành Thường	06/7/1989	Nam	ĐH	TTR	Công nghệ thông tin	17	Đội Thanh tra GTVT huyện Phúc Thọ	Công nghệ thông tin; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
138	Đỗ Thị Thanh Thủy	27/9/1987	Nữ	ĐH	TTR	Khoa học máy tính	17	Đội Thanh tra GTVT huyện Phúc Thọ	Công nghệ thông tin; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
139	Tăng Trần Tiến	26/9/1987	Nam	ĐH	TTR	Công nghệ thông tin	17	Đội Thanh tra GTVT huyện Phúc Thọ	Công nghệ thông tin; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
140	Nguyễn Tuấn Anh	26/10/1994	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng cầu đường	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
141	Nguyễn Thị Huệ Chi	27/6/1997	Nữ	ĐH	TTR	Luật	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
142	Nguyễn Quang Cường	05/02/1989	Nam	Ths	TTR	Luật	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
143	Vũ Hoàng Hiệp	22/8/1998	Nam	ĐH	TTR	Luật	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
144	Trương Văn Long	05/7/1995	Nam	ĐH	TTR	Luật	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
145	Nguyễn Thị Hồng Nhung	07/9/1991	Nữ	ĐH	TTR	Luật Kinh tế	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
146	Nguyễn Đức Thảo	19/9/1999	Nam	ĐH	TTR	Luật	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	DTTS
147	Bùi Văn Tín	09/5/1989	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng cầu đường	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
148	Trần Mạnh Toàn	02/02/1995	Nam	ĐH	TTR	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	
149	Nguyễn Quang Vinh	07/6/1990	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng cầu đường bộ	18	Đội Thanh tra GTVT huyện Phú Xuyên	Luật; XD Cầu Đường; Vận tải	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
150	Lê Đức Anh	22/01/1999	Nam	ĐH	TTR	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	19	Đội Thanh tra GTVT huyện Mỹ Đức	Xây dựng Cầu Đường; Vận tải	Anh	CTB
151	Trần Huy Cường	17/8/1995	Nam	ĐH	TTR	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	19	Đội Thanh tra GTVT huyện Mỹ Đức	Xây dựng Cầu Đường; Vận tải	Anh	
152	Nguyễn Văn Tùng	04/4/1988	Nam	ĐH	TTR	Công nghệ kỹ thuật XD cầu đường bộ	19	Đội Thanh tra GTVT huyện Mỹ Đức	Xây dựng Cầu Đường; Vận tải	Anh	
153	Trần Tuấn Hưng	20/11/1993	Nam	ĐH	TTR	Công nghệ kỹ thuật ô tô	20	Đội Thanh tra GTVT đường bộ	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Anh	
154	Lưu Quang Luân	20/9/1989	Nam	Ths	TTR	Công nghệ kỹ thuật ô tô	20	Đội Thanh tra GTVT đường bộ	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Anh	
155	Vũ Thị Phương Anh	30/10/1995	Nữ	ĐH	KH	Kinh tế	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Kinh tế	Anh	
156	Nguyễn Văn Chí	02/5/1995	Nam	ĐH	KH	Kinh tế	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Kinh tế	Anh	
157	Vũ Bình Dương	27/3/2000	Nam	ĐH	KH	Kinh tế	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Kinh tế	Anh	
158	Phạm Hương Giang	02/11/1999	Nữ	ĐH	KH	Kinh tế	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Kinh tế	Anh	
159	Nguyễn Huy Hoàng	11/7/1999	Nam	ĐH	KH	Kinh tế	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Kinh tế	Anh	CTB
160	Vũ Đức Lương	18/02/1999	Nam	ĐH	KH	Kinh tế đầu tư	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Kinh tế	Anh	
161	Tạ thanh Nghị	09/9/1993	Nam	Ths	KH	Quản lý kinh tế	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Kinh tế	Anh	
162	Đào Hương Nguyên	09/02/1999	Nữ	ĐH	KH	Kinh tế đầu tư	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Kinh tế	Anh	
163	Nguyễn Lan Phương	07/10/1987	Nữ	Ths	KH	Kinh tế đầu tư	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Kinh tế	Anh	CTB
164	Trương Thảo Phương	03/6/1998	Nữ	ĐH	KH	Kinh tế Quốc tế	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Kinh tế	Anh	
165	Nguyễn Duy Thái	05/12/1999	Nam	ĐH	KH	Kinh tế	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Kinh tế	Anh	
166	Trần Thảo Trang	26/01/1994	Nữ	ĐH	KH	Kinh tế	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Kinh tế	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
167	Nguyễn Thị Yến	29/9/1999	Nữ	ĐH	KH	Kinh tế	21	Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Sở KH&ĐT	Kinh tế	Anh	
168	Nguyễn Ngọc Dương	15/2/1998	Nam	ĐH	KH	Tài chính - Ngân hàng	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Tài chính	Anh	
169	Nguyễn Tiến Hải	18/12/1991	Nam	ĐH	KH	Tài chính - Ngân hàng	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Tài chính	Anh	
170	Ngô Thị Mai Hiên	13/10/1989	Nữ	ĐH	KH	Tài chính - Ngân hàng	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Tài chính	Anh	
171	Phạm Minh Huyền	25/5/1999	Nữ	ĐH	KH	Tài chính - Ngân hàng	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Tài chính	Anh	
172	Đinh Quang Minh	20/5/2000	Nam	ĐH	KH	Tài chính - Ngân hàng	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Tài chính	Anh	
173	Phạm Đức Minh	10/02/1994	Nam	ĐH	KH	Tài chính quản lý chung	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Tài chính	MNN	
174	Trương Thị Lê Ngân	02/01/1996	Nữ	ĐH	KH	Kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Tài chính	Anh	CBB
175	Chu Thị Như Ngọc	22/8/1996	Nữ	ĐH	KH	Tài chính - Ngân hàng	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Tài chính	Anh	
176	Nguyễn Thị Thuỷ	29/10/1985	Nữ	ĐH	KH	Tài chính - Ngân hàng	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Tài chính	Anh	
177	Đỗ Trần Trí	23/11/1993	Nam	ĐH	KH	Tài chính - Ngân hàng	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Tài chính	Anh	
178	Phạm Văn Trường	25/01/1988	Nam	ĐH	KH	Tài chính ngân hàng - Tiếng anh	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Tài chính	MNN	
179	Nguyễn Thu Vân	17/4/1992	Nữ	ĐH	KH	Tài chính	22	Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở KH&ĐT	Tài chính	MNN	
180	Vương Tuấn Anh	25/8/1992	Nam	ĐH	KH	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Kỹ thuật công trình xây dựng	Anh	
181	Trịnh Văn Đại	13/6/1990	Nam	ĐH	KH	Kỹ thuật công trình xây dựng	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Kỹ thuật công trình xây dựng	Anh	
182	Lê Công Diện	09/09/1993	Nam	ĐH	KH	Kỹ thuật công trình xây dựng	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Kỹ thuật công trình xây dựng	Anh	
183	Nguyễn Huy Hoàng	14/6/1994	Nam	ĐH	KH	Kỹ thuật công trình xây dựng	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Kỹ thuật công trình xây dựng	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
184	Nguyễn Quang Huy	18/6/1991	Nam	Ths	KH	Kỹ thuật xây dựng	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Kỹ thuật công trình xây dựng	Anh	
185	Nguyễn Thị Thùy Linh	29/11/1996	Nữ	ĐH	KH	Kỹ thuật xây dựng	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Kỹ thuật công trình xây dựng	Anh	
186	Dương Tiến Lợi	07/9/1995	Nam	ĐH	KH	Kỹ thuật Xây dựng	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Kỹ thuật công trình xây dựng	Anh	CTB
187	Nguyễn Xuân Lợi	07/4/1989	Nam	TS	KH	Kỹ thuật công trình xây dựng	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Kỹ thuật công trình xây dựng	MNN	
188	Đỗ Quốc Thái	02/5/1990	Nam	ĐH	KH	Kỹ thuật công trình xây dựng	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Kỹ thuật công trình xây dựng	Anh	
189	Đỗ Minh Tiến	24/12/1992	Nam	ĐH	KH	Kỹ thuật công trình xây dựng	23	Phòng Kế hoạch phát triển đô thị, Sở KH&ĐT	Kỹ thuật công trình xây dựng	Anh	
190	Nguyễn Phương Anh	19/9/1999	Nữ	ĐH	TP	Luật kinh tế	24	Văn phòng, Sở KH&CN	Luật	Anh	
191	Vũ Xuân Hân	11/9/1984	Nam	ĐH	TP	Luật	24	Văn phòng, Sở KH&CN	Luật	MNN	
192	Bùi Đan Linh	29/12/1998	Nữ	ĐH	TP	Luật Kinh tế	24	Văn phòng, Sở KH&CN	Luật	Anh	
193	Đặng Tuấn Anh	08/6/1991	Nam	ĐH	KC1	Công nghệ kỹ thuật môi trường	25	Phòng Quản lý khoa học, Sở KH&CN	Kỹ thuật môi trường	Anh	
194	Nguyễn Ngọc Anh	26/5/1996	Nữ	ĐH	KC1	Khoa học môi trường	25	Phòng Quản lý khoa học, Sở KH&CN	Kỹ thuật môi trường	Anh	
195	Nguyễn Thị Kim Anh	29/11/1989	Nữ	Ths	KC1	Công nghệ môi trường	25	Phòng Quản lý khoa học, Sở KH&CN	Kỹ thuật môi trường	Anh	
196	Phạm Thị Khánh Dương	30/12/2000	Nữ	ĐH	KC1	Khoa học môi trường	25	Phòng Quản lý khoa học, Sở KH&CN	Kỹ thuật môi trường	Anh	
197	Nguyễn Xuân Hồng	02/11/1996	Nữ	ĐH	KC1	Kỹ thuật môi trường	25	Phòng Quản lý khoa học, Sở KH&CN	Kỹ thuật môi trường	Anh	
198	Nguyễn Đức Mạnh	14/8/1997	Nam	ĐH	KC1	Kỹ thuật môi trường	25	Phòng Quản lý khoa học, Sở KH&CN	Kỹ thuật môi trường	Anh	
199	Vũ Trung Kiên	31/01/1998	Nam	ĐH	KC2	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	26	Phòng QL tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Kỹ thuật Điện - điện tử; Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa; Kỹ thuật Điện tử Viễn thông; Kỹ thuật Cơ điện tử; Kỹ thuật Vật liệu; Vật lý Kỹ thuật.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
200	Nguyễn Thị Nga	28/10/1989	Nữ	ĐH	KC2	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	26	Phòng QL tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Kỹ thuật Điện - điện tử; Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa; Kỹ thuật Điện tử Viễn thông; Kỹ thuật Cơ điện tử; Kỹ thuật Vật liệu; Vật lý Kỹ thuật.	Anh	
201	Nguyễn Xuân Thành	17/02/1984	Nam	ĐH	KC2	Điện - Điện tử	26	Phòng QL tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Kỹ thuật Điện - điện tử; Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa; Kỹ thuật Điện tử Viễn thông; Kỹ thuật Cơ điện tử; Kỹ thuật Vật liệu; Vật lý Kỹ thuật.	Anh	
202	Nguyễn Thị Thu Hằng	01/02/1989	Nữ	ĐH	NV2	Lưu trữ học và quản trị văn phòng	27	Phòng Người có công, Sở LĐTB&XH	Lưu trữ học	Anh	
203	Nguyễn Thị Thúy	03/01/1982	Nữ	ĐH	NV2	Lưu trữ học và quản trị văn phòng	27	Phòng Người có công, Sở LĐTB&XH	Lưu trữ học	MNN	CTB
204	Phùng Chi Anh	21/12/1999	Nữ	ĐH	TTR	Bảo hộ lao động	28	Thanh tra sở, Sở Lao động TB&XH	Điện; điện tử; cơ khí; xây dựng; bảo hộ lao động.	Anh	
205	Vương Tuấn Anh	13/02/1995	Nam	ĐH	TTR	Công nghệ KT điều khiển và tự động hóa	28	Thanh tra sở, Sở Lao động TB&XH	Điện; điện tử; cơ khí; xây dựng; bảo hộ lao động.	Anh	
206	Vũ Văn Duy	01/01/1983	Nam	ĐH	TTR	Điện	28	Thanh tra sở, Sở Lao động TB&XH	Điện; điện tử; cơ khí; xây dựng; bảo hộ lao động.	Anh	
207	Nguyễn Thị Thanh Ngân	02/4/1988	Nữ	Ths	TTR	Kỹ thuật điện tử	28	Thanh tra sở, Sở Lao động TB&XH	Điện; điện tử; cơ khí; xây dựng; bảo hộ lao động.	Anh	
208	Đỗ Đức Thắng	07/01/1998	Nam	ĐH	TTR	Kỹ thuật cơ điện tử	28	Thanh tra sở, Sở Lao động TB&XH	Điện; điện tử; cơ khí; xây dựng; bảo hộ lao động.	Anh	
209	Nguyễn Công Thành	10/7/1998	Nam	ĐH	TTR	Công nghệ KT điện, điện tử	28	Thanh tra sở, Sở Lao động TB&XH	Điện; điện tử; cơ khí; xây dựng; bảo hộ lao động.	Anh	
210	Nguyễn Văn Trường	23/3/1989	Nam	ĐH	TTR	Kỹ thuật Điện, điện tử	28	Thanh tra sở, Sở Lao động TB&XH	Điện; điện tử; cơ khí; xây dựng; bảo hộ lao động.	Anh	CĐCĐ
211	Nguyễn Mạnh Cường	10/4/1986	Nam	ĐH	NGV	Tiếng Trung	29	Phòng Lễ tân, Sở Ngoại vụ	Quan hệ quốc tế, Ngoại ngữ	MNN	
212	Đoàn Thị Thu Hương	25/11/1994	Nữ	ĐH	NGV	Ngôn ngữ anh	29	Phòng Lễ tân, Sở Ngoại vụ	Quan hệ quốc tế, Ngoại ngữ	MNN	
213	Hoàng Thị Lương	28/01/2000	Nữ	ĐH	NGV	Quan hệ quốc tế	29	Phòng Lễ tân, Sở Ngoại vụ	Quan hệ quốc tế, Ngoại ngữ	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
214	Cao Thị Ngọc Phương	25/12/2000	Nữ	ĐH	NGV	Quan hệ Quốc tế và truyền thông toàn cầu	29	Phòng Lễ tân, Sở Ngoại vụ	Quan hệ quốc tế, Ngoại ngữ	Anh	
215	Trần Trung Thông	16/5/1986	Nam	ĐH	NGV	Quan hệ Quốc tế	29	Phòng Lễ tân, Sở Ngoại vụ	Quan hệ quốc tế, Ngoại ngữ	Anh	CTB
216	Bế Thanh Xuân	05/7/2000	Nữ	ĐH	NGV	Quan hệ Quốc tế	29	Phòng Lễ tân, Sở Ngoại vụ	Quan hệ quốc tế, Ngoại ngữ	Anh	DTTS
217	Nguyễn Hải Yến	21/3/2000	Nữ	ĐH	NGV	Ngôn ngữ Trung Quốc	29	Phòng Lễ tân, Sở Ngoại vụ	Quan hệ quốc tế, Ngoại ngữ	MNN	
218	Đoàn Thái An	10/11/1998	Nam	ĐH	NGV	Luật Quốc tế	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	Anh	
219	Ngô Thị Hải Chiến	01/11/1990	Nữ	ĐH	NGV	Luật quốc tế	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	Anh	CĐCĐ
220	Ngô Ngọc Hà	06/3/2000	Nữ	ĐH	NGV	Quốc tế học - Tiếng Anh	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	MNN	
221	Vũ Minh Hằng	07/3/1998	Nữ	ĐH	NGV	Ngôn ngữ anh	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	MNN	
222	Hoàng Quang Huy	10/10/1995	Nam	ĐH	NGV	Tiếng anh	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	MNN	DTTS
223	Nguyễn Đăng Huy	19/12/1999	Nam	ĐH	NGV	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	MNN	
224	Vũ Thùy Linh	21/7/1998	Nữ	ĐH	NGV	Kinh tế quốc tế	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	Anh	
225	Nguyễn Việt Long	12/9/1999	Nam	ĐH	NGV	Luật Quốc tế	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	Anh	
226	Đinh Hương Ly	26/4/2000	Nữ	ĐH	NGV	Kinh tế quốc tế	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	Anh	
227	Nguyễn Thị Minh Ngọc	01/11/2000	Nữ	ĐH	NGV	Ngôn ngữ Trung quốc	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	MNN	
228	Trần Đức Quang	04/12/2000	Nam	ĐH	NGV	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	MNN	
229	Nguyễn Nam Thái	17/7/1995	Nam	ĐH	NGV	Luật quốc tế	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
230	Nguyễn Trần Phương Thảo	17/3/1994	Nữ	Ths	NGV	Kinh tế quốc tế	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	MNN	
231	Phùng Thị Thanh Thơ	14/6/1997	Nữ	ĐH	NGV	Luật Quốc tế	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	Anh	
232	Lục Thị Vân Thu	24/8/1994	Nữ	ĐH	NGV	Ngôn ngữ Nhật	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	MNN	
233	Nguyễn Thanh Thu	20/11/1997	Nữ	ĐH	NGV	Ngôn ngữ Nga	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	MNN	
234	Trần Thị Thủy	29/11/2000	Nữ	ĐH	NGV	Ngôn ngữ anh	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	MNN	
235	Đồng Phú Trọng	20/10/2000	Nam	ĐH	NGV	Luật thương mại quốc tế	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	Anh	
236	Nguyễn Thành Trung	17/06/1999	Nam	ĐH	NGV	Kinh tế quốc tế	30	Phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài	Luật quốc tế; Kinh tế quốc tế; Ngoại ngữ.	Anh	
237	Vũ Thành Dũng	04/04/1997	Nam	ĐH	NV3	Luật	31	Phòng nghiệp vụ 1, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Xây dựng.	Anh	
238	Trịnh Đăng Hiên	01/3/1979	Nam	ĐH	NV3	Luật	31	Phòng nghiệp vụ 1, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Xây dựng.	Anh	
239	Lô Thanh Hoi	08/7/1995	Nữ	ĐH	NV3	Luật học	31	Phòng nghiệp vụ 1, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Xây dựng.	Anh	DTTS
240	Đỗ Thị Phương Linh	25/8/1999	Nữ	ĐH	NV3	Luật	31	Phòng nghiệp vụ 1, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Xây dựng.	Anh	
241	Trần Thị Thanh Ngân	30/8/1999	Nữ	ĐH	NV3	Luật học	31	Phòng nghiệp vụ 1, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Xây dựng.	Anh	
242	Nguyễn Minh Ngọc	21/5/1998	Nữ	ĐH	NV3	Luật	31	Phòng nghiệp vụ 1, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Xây dựng.	Anh	
243	Dương Yến Nguyệt	15/7/2000	Nữ	ĐH	NV3	Luật Kinh tế	31	Phòng nghiệp vụ 1, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Xây dựng.	Anh	DTTS
244	Lê Đức Anh	19/01/1996	Nam	Ths	NV3	Lịch sử	32	Phòng nghiệp vụ 2, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	MNN	DTTS

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
245	Phạm Thị Hằng	14/02/1995	Nữ	ĐH	NV3	Triết học	32	Phòng nghiệp vụ 2, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
246	Trần Huy Khánh	10/10/1997	Nam	ĐH	NV3	Luật	32	Phòng nghiệp vụ 2, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
247	Lê Thị Nga	20/02/1990	Nữ	ĐH	NV3	Nhân học	32	Phòng nghiệp vụ 2, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
248	Nguyễn Văn Phương	21/10/1982	Nam	ĐH	NV3	Luật	32	Phòng nghiệp vụ 2, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
249	Nguyễn Thị Trang	15/05/1990	Nữ	Ths	NV3	Triết học	32	Phòng nghiệp vụ 2, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
250	Nguyễn Tiến Tuấn	31/10/1993	Nam	ĐH	NV3	Luật	32	Phòng nghiệp vụ 2, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
251	Hoàng Minh Anh	09/3/1998	Nữ	ĐH	NV3	Luật	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
252	Đàm Văn Cấn	29/7/1999	Nam	ĐH	NV3	Chính trị học	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
253	Đỗ Thị Cấn	29/3/1990	Nữ	ĐH	NV3	Triết học	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
254	Phạm Vương Thu Dạ	23/9/1992	Nữ	ĐH	NV3	Luật	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
255	Nguyễn Minh Diệp	25/3/1998	Nữ	ĐH	NV3	Tôn giáo học	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
256	Nguyễn Thị Lan Dung	20/3/1985	Nữ	ĐH	NV3	Luật kinh tế	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
257	Nguyễn Thị Thùy Dung	19/12/1991	Nữ	Ths	NV3	Xã hội học	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
258	Nguyễn Quang Duy	22/10/1997	Nam	ĐH	NV3	Luật	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
259	Đinh Đắc Huy Hoàng	18/6/1999	Nam	ĐH	NV3	Luật	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
260	Nguyễn Thị Thanh Huyền	23/7/1998	Nữ	ĐH	NV3	Lịch sử	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
261	Lê Duy Khánh	22/8/1996	Nam	ĐH	NV3	Luật	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
262	Nguyễn Thị Khuyên	05/01/1993	Nữ	Ths	NV3	Triết học	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
263	Nguyễn Văn Kính	31/8/1988	Nam	ĐH	NV3	Triết học	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	MNN	
264	Ngô Tùng Lâm	01/02/1997	Nam	ĐH	NV3	Tôn giáo học	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
265	Ngân Thị Hương Ly	08/8/1998	Nữ	ĐH	NV3	Luật	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Trung	DTTS
266	Nông Thị Mai Ly	27/8/2000	Nữ	ĐH	NV3	Luật	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	DTTS
267	Ngô Văn Minh	26/8/1999	Nam	ĐH	NV3	Luật học	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
268	Nguyễn Thị Vân Nam	05/02/1984	Nữ	ĐH	NV3	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
269	Vũ Thành Phong	19/11/1994	Nam	ĐH	NV3	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	CLS
270	Bùi Thị Minh Phượng	27/11/1996	Nữ	Ths	NV3	Luật	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
271	Trịnh Minh Quang	11/10/1999	Nam	ĐH	NV3	Xã hội học	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
272	Nguyễn Như Sơn	24/3/1995	Nam	Ths	NV3	Luật học	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	MNN	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
273	Trần Trung Hòa Sơn	07/3/2000	Nam	ĐH	NV3	Luật	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
274	Phùng Thị Thanh Trà	10/11/1990	Nữ	ĐH	NV3	Luật	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
275	Lê Huyền Trang	22/12/2000	Nữ	ĐH	NV3	Luật	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
276	Trần Thị Thu Trang	26/3/1985	Nữ	ĐH	NV3	Luật	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
277	Trần Thị Trinh	10/01/1998	Nữ	ĐH	NV3	Luật học	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
278	Hà Nam Trung	21/7/1974	Nam	ĐH	NV3	Luật	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	DTTS
279	Nguyễn Thị Tuyền	20/6/1983	Nữ	ĐH	NV3	Triết học	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	CTB
280	Nguyễn Khánh Việt	28/5/1992	Nam	ĐH	NV3	Luật	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
281	Lê Thị Xuân	03/02/1999	Nữ	ĐH	NV3	Luật	33	Phòng nghiệp vụ 3, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Luật; Triết học; Xã hội và nhân văn.	Anh	
282	Nguyễn Thuý Hiền	02/02/1998	Nữ	ĐH	NV2	Lưu trữ học	34	Phòng Quản lý Văn thư - Lưu trữ, Chi cục VT-LT, Sở Nội vụ	Văn thư - Lưu trữ; Quản trị văn phòng.	Anh	
283	Lưu Thị Ngọc Anh	11/02/1979	Nữ	ĐH	TT	Tin học	36	Phòng HC-TH, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT	Công nghệ thông tin; Tin học	Anh	
284	Đặng Thị Nhung	29/11/1987	Nữ	ĐH	TT	Tin học ứng dụng	36	Phòng HC-TH, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT	Công nghệ thông tin; Tin học	Anh	
285	Bùi Thu Phương	10/5/2000	Nữ	ĐH	TT	Luật	37	Phòng HC-TH, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT	Công nghệ Thông tin; Truyền thông; Luật; Kỹ thuật công trình.	Anh	
286	Lê Thị Hà	04/06/1996	Nữ	ĐH	NV1	Kỹ thuật xây dựng	38	Phòng HC-TH, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT	Hành chính công; Quản trị nhân lực; Kỹ thuật công trình.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
287	Phan Xuân Mạnh	05/4/1991	Nam	ĐH	NV1	Quản trị nhân lực	38	Phòng HC-TH, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT	Hành chính công; Quản trị nhân lực; Kỹ thuật công trình.	MNN	
288	Nguyễn Hà Phương	26/3/1998	Nữ	ĐH	NV1	Quản trị nhân lực	38	Phòng HC-TH, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT	Hành chính công; Quản trị nhân lực; Kỹ thuật công trình.	Anh	
289	Hạ Thúy Quỳnh	12/6/1991	Nữ	Ths	NV1	Quản trị nhân lực	38	Phòng HC-TH, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT	Hành chính công; Quản trị nhân lực; Kỹ thuật công trình.	Anh	
290	Nguyễn Tú Uyên	02/5/2000	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý công	38	Phòng HC-TH, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT	Hành chính công; Quản trị nhân lực; Kỹ thuật công trình.	Anh	
291	Đàm Thị Tâm	05/10/1991	Nữ	ĐH	NN1	Kinh tế xây dựng	39	Phòng Quản lý phòng, chống thiên tai, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật hạ tầng; Địa chất công trình; Kinh tế XD; Thủy nông cải tạo đất.	Anh	
292	Nguyễn Ngọc Thuần	30/12/1992	Nam	ĐH	NN1	Địa chất công trình Địa kỹ thuật	39	Phòng Quản lý phòng, chống thiên tai, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật hạ tầng; Địa chất công trình; Kinh tế XD; Thủy nông cải tạo đất.	Anh	
293	Trần Thị Hoài Thương	16/8/1997	Nữ	ĐH	NN1	Địa Kỹ thuật	39	Phòng Quản lý phòng, chống thiên tai, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật hạ tầng; Địa chất công trình; Kinh tế XD; Thủy nông cải tạo đất.	Anh	
294	Lê Huyền Trang	27/11/1999	Nữ	ĐH	NN1	Kỹ thuật tài nguyên nước	39	Phòng Quản lý phòng, chống thiên tai, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật hạ tầng; Địa chất công trình; Kinh tế XD; Thủy nông cải tạo đất.	Anh	
295	Nguyễn Minh Anh	30/12/1996	Nữ	ĐH	NN1	Kỹ thuật tài nguyên nước	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
296	Nguyễn Thị Ngọc Anh	07/6/1994	Nữ	ĐH	NN1	Kỹ thuật tài nguyên nước	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	
297	Nguyễn Hữu Chung	22/6/1979	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật công trình xây dựng	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	
298	Phạm Tiến Diện	01/02/1987	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật công trình xây dựng	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	CĐCĐ
299	Nguyễn Thị Dung	25/2/1995	Nữ	ĐH	NN1	Kỹ thuật tài nguyên nước	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	
300	Nguyễn Văn Giang	17/01/1991	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật công trình xây dựng	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	
301	Nguyễn Duy Hậu	28/01/1984	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật xây dựng	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	
302	Nguyễn Trung Hiếu	20/10/1990	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật công trình xây dựng	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
303	Hoàng Hưng	28/9/1989	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật công trình xây dựng	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	HTNV
304	Vũ Thị Hường	28/6/1990	Nữ	ĐH	NN1	Kỹ thuật tài nguyên nước	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	
305	Bùi Viết Huy	22/9/1995	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật công trình xây dựng	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	
306	Chu Trung Kiên	30/11/1996	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật công trình thủy	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	
307	Lê Trung Kiên	18/9/1997	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật tài nguyên nước	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	
308	Nguyễn Tùng Lâm	10/9/1998	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật công trình xây dựng	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	
309	Khuất Thị Ngân	27/7/1985	Nữ	ĐH	NN1	Kỹ thuật tài nguyên nước	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
310	Bùi Bích Phượng	05/4/1997	Nữ	ĐH	NN1	Kỹ thuật tài nguyên nước	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	
311	Nguyễn Thị Như Quỳnh	22/8/1998	Nữ	ĐH	NN1	Kỹ thuật công trình thủy	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	
312	Nguyễn Thị Thu	25/11/1999	Nữ	ĐH	NN1	Thủy văn học	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	
313	Đặng Nam Tiến	11/7/1989	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật tài nguyên nước	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	
314	Phùng Sơn Tùng	12/9/1996	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật công trình thủy	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	
315	Nguyễn Bá Tước	13/9/1992	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật tài nguyên nước	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	Anh	DTTS
316	Nguyễn Thị Tuyền	29/3/1995	Nữ	ĐH	NN1	Kỹ thuật công trình xây dựng	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi	MNN	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
317	Lê Thị Thanh Vân	11/12/1994	Nữ	ĐH	NN1	Kỹ thuật tài nguyên nước	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi.	Anh	
318	Vũ Thị Vui	06/4/1995	Nữ	ĐH	NN1	Kỹ thuật công trình xây dựng	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi.	Anh	
319	Nguyễn Chí Vượng	26/10/1992	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật công trình xây dựng	40	Phòng Quản lý Công trình thủy lợi, Chi cục thủy lợi và PC thiên tai, Sở NN&PTNT.	Kỹ thuật công trình thủy công trình XD; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy văn; Thủy nông cải tạo đất; Thiết bị thủy lợi.	Anh	
320	Mai thị Ngọc Bích	18/9/1993	Nữ	ĐH	NV1	Quản trị văn phòng	42	Phòng Tổng hợp, Chi cục thủy sản, Sở NN&PTNT.	Văn thư - lưu trữ; Hành chính học; Quản trị văn phòng.	Anh	
321	Đường Thị Lý	10/6/1999	Nữ	ĐH	NV1	Quản trị văn phòng	42	Phòng Tổng hợp, Chi cục thủy sản, Sở NN&PTNT.	Văn thư - lưu trữ; Hành chính học; Quản trị văn phòng.	Anh	DTTS
322	Trần Thị Thu	11/9/1989	Nữ	ĐH	NV1	Hành chính học	42	Phòng Tổng hợp, Chi cục thủy sản, Sở NN&PTNT.	Văn thư - lưu trữ; Hành chính học; Quản trị văn phòng.	Anh	
323	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	24/10/1998	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý nhà nước	42	Phòng Tổng hợp, Chi cục thủy sản, Sở NN&PTNT.	Văn thư - lưu trữ; Hành chính học; Quản trị văn phòng.	Anh	
324	Phùng Thị Thiên Định	05/02/1998	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	43	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Quản lý nhà nước	Anh	
325	Nguyễn Thị Thanh Huyền	05/3/1998	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	43	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Quản lý nhà nước	Anh	
326	Tạ Thị Hoài Linh	15/10/1997	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	43	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Quản lý nhà nước	Anh	
327	Đỗ Thị Nga	30/11/1996	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	43	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Quản lý nhà nước	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
328	Nông Thị Nhã	19/02/1997	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	43	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Quản lý nhà nước	Anh	DTTS
329	Nguyễn Thị Phương	23/6/1999	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	43	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Quản lý nhà nước	Anh	
330	Nguyễn Thanh Tâm	20/11/1996	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	43	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Quản lý nhà nước	Anh	
331	Nguyễn Thị Phương Anh	20/05/1998	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý nguồn nhân lực	44	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Quản trị nhân lực	Anh	
332	Đoàn Anh Dũng	10/9/1997	Nam	ĐH	NV1	Quản trị nhân lực	44	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Quản trị nhân lực	Anh	
333	Nguyễn Hải Hà	01/9/1995	Nữ	ĐH	NV1	Quản trị nhân lực	44	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Quản trị nhân lực	Anh	
334	Nguyễn Thanh Hải	28/4/1980	Nam	ĐH	NV1	Quản trị nhân lực	44	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Quản trị nhân lực	Anh	
335	Lã Thu Hằng	17/7/1995	Nữ	ĐH	NV1	Quản trị nhân lực	44	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Quản trị nhân lực	Anh	
336	Nguyễn Thị Bích Loan	18/9/1998	Nữ	ĐH	NV1	Quản trị nhân lực	44	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Quản trị nhân lực	Anh	
337	Đinh Thị Minh	28/9/1999	Nữ	ĐH	NV1	Quản trị nhân lực	44	Phòng HC-TH, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở NN&PTNT	Quản trị nhân lực	Anh	
338	Nguyễn Thị Tâm	15/12/1984	Nữ	ĐH	NV2	Lưu trữ học và quản trị văn phòng	45	Phòng Hành chính tổ chức, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Văn thư - Lưu trữ	Anh	
339	Nguyễn Thanh Bình	20/5/1988	Nữ	ĐH	TT	Khoa học máy tính	46	Phòng Hành chính tổ chức, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Công nghệ thông tin	Anh	CDCĐ

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
340	Kim Thị Thùy Hương	02/7/1996	Nữ	ĐH	TT	Công nghệ thông tin	46	Phòng Hành chính tổ chức, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Công nghệ thông tin	Anh	
341	Nguyễn Đình Minh	30/11/1991	Nam	ĐH	TT	Công nghệ thông tin	46	Phòng Hành chính tổ chức, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Công nghệ thông tin	Anh	
342	Đỗ Thị Đức	13/02/1979	Nữ	Ths	NV3	Quản lý kinh tế	47	Phòng Hành chính tổ chức, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Quản trị nhân sự; Luật; Kinh tế.	Anh	
343	Nguyễn Thiên Tùng	19/7/1990	Nam	ĐH	NV3	Quản trị nhân lực	47	Phòng Hành chính tổ chức, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Quản trị nhân sự; Luật; Kinh tế.	Anh	
344	Lâm Thị Kim Anh	06/02/1990	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Kế toán	Anh	
345	Phùng Thu Giang	28/12/1999	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Kế toán	Anh	
346	Dương thị Mai Hoa	13/7/1989	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Kế toán	Anh	
347	Đỗ Bảo Khánh	25/4/1993	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Kế toán	Anh	
348	Nguyễn Thị Mai Lan	03/11/1984	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Kế toán	Anh	
349	Phạm Trà My	25/9/1994	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Kế toán	Anh	
350	Trương Thị Nhận	25/5/1985	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Kế toán	Anh	CTB

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điện ưu tiên
351	Hoàng Thị Nội	21/01/1980	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Kế toán	Anh	
352	Trịnh Hoài Phương	22/7/1996	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Kế toán	Anh	
353	Lý Anh Quân	08/8/1995	Nam	ĐH	TC1	Kế toán	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Kế toán	Anh	
354	Bùi Như Quỳnh	06/5/2000	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Kế toán	Anh	
355	Nguyễn Hoàng Thanh Tâm	15/10/1992	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Kế toán	Anh	
356	Nguyễn Thị Thu Thảo	21/11/1988	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Kế toán	Anh	
357	Dương Thị Thơm	10/11/1996	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán - Kiểm toán	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Kế toán	Anh	
358	Nguyễn Thị Xuân	10/5/1983	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Kế toán	Anh	
359	Đỗ Thị Yến	04/5/1991	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	48	Phòng Kế hoạch Tài vụ, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Kế toán	Anh	
360	Bùi Nguyễn Ngọc Dương	30/4/1999	Nam	ĐH	NN3	Chăn nuôi	49	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Thú y; Chăn nuôi thú y.	Anh	
361	Nguyễn Ngọc Dương	06/8/1998	Nam	ĐH	NN3	Chăn nuôi thú y	49	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Thú y; Chăn nuôi thú y.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
362	Đặng Hoàng Lân	15/9/1994	Nam	ĐH	NN3	Thú y	49	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Thú y; Chăn nuôi thú y.	Anh	
363	Nguyễn Thị Kim Oanh	20/3/1993	Nữ	ĐH	NN3	Thú y	49	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Thú y; Chăn nuôi thú y.	Anh	
364	Lê Tiền Phong	28/7/1996	Nam	ĐH	NN3	Thú y	49	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Thú y; Chăn nuôi thú y.	Anh	
365	Trần Lê Huy Quang	05/5/1997	Nam	ĐH	NN3	Chăn nuôi - Thú y	49	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Thú y; Chăn nuôi thú y.	Anh	
366	Đỗ Đức Thành	17/8/1994	Nam	Ths	NN3	Thú y	49	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Thú y; Chăn nuôi thú y.	Anh	
367	Nguyễn Gia Trường	01/12/1996	Nam	ĐH	NN3	Chăn nuôi thú y	49	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Thú y; Chăn nuôi thú y.	Anh	
368	Chu Tất Thành	16/8/1997	Nam	ĐH	NN3	Chăn nuôi	50	Phòng Quản lý giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Chăn nuôi; Thú y; Chăn nuôi thú y.	Anh	
369	Nguyễn Thị Nhật Lệ	14/10/1995	Nữ	ĐH	NN3	Thú y	51	Phòng Quản lý giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Chăn nuôi; Thú y; Chăn nuôi thú y.	Anh	
370	Trần Thị Yến	27/7/1994	Nữ	ĐH	TTR	Thú y	52	Phòng Thanh tra Pháp chế, Chi cục chăn nuôi và thú y, Sở NN&PTNT	Chăn nuôi; Thú y; Chăn nuôi thú y.	Anh	
371	Trần Kim Dung	11/9/1996	Nữ	ĐH	QH	Quản lý Đất đai	53	Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất, Sở TN&MT	Quản lý đất đai	Anh	
372	Lê Thị Huyền	23/6/1996	Nữ	ĐH	QH	Quản lý Đất đai	53	Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất, Sở TN&MT	Quản lý đất đai	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
373	Nguyễn Bảo Khánh	08/03/1991	Nam	Ths	QH	Quản lý Đất đai	53	Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất, Sở TN&MT	Quản lý đất đai	Anh	
374	Nguyễn Trọng Minh	04/01/1995	Nam	Ths	QH	Kinh tế và Quản lý địa chính	53	Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất, Sở TN&MT	Quản lý đất đai	Anh	
375	Kiều Thị Hồng Ngọc	28/3/1993	Nữ	Ths	QH	Quản lý đất đai	53	Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất, Sở TN&MT	Quản lý đất đai	Anh	
376	Nguyễn Hồng Quân	11/9/1985	Nam	Ths	QH	Quản lý Đất đai	53	Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất, Sở TN&MT	Quản lý đất đai	Anh	
377	Đinh Thị Thanh	20/6/1994	Nữ	ĐH	QH	Quản lý đất đai	53	Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất, Sở TN&MT	Quản lý đất đai	Anh	
378	Bùi Phương Anh	14/12/1999	Nữ	ĐH	TN	Quản lý môi trường	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý môi trường.	Anh	
379	Nguyễn Văn Hiếu	08/10/1998	Nam	ĐH	TN	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý môi trường.	Anh	
380	Trần Ngọc Lan Hương	20/8/1987	Nữ	Ths	TN	Quản lý môi trường	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý môi trường.	Anh	
381	Vũ Thị Hương	26/02/1995	Nữ	ĐH	TN	Khoa học môi trường	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý môi trường.	Anh	
382	Nguyễn Thị Huyền	27/12/1994	Nữ	ĐH	TN	Khoa học môi trường	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý môi trường.	Anh	
383	Nguyễn Trung Kiên	16/12/1994	Nam	ĐH	TN	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý môi trường.	Anh	
384	Nguyễn Diệu Linh	4/02/1998	Nữ	ĐH	TN	Khoa học môi trường	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý môi trường.	Anh	
385	Nguyễn Thị Mỹ Linh	26/11/1997	Nữ	ĐH	TN	Khoa học môi trường	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý môi trường.	Anh	
386	Quản Thị Ngọc Linh	22/10/1997	Nữ	ĐH	TN	Khoa học môi trường	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý môi trường.	Anh	
387	Phạm Quang Long	20/9/1991	Nam	Ths	TN	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý môi trường.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
388	Nguyễn Minh Ngọc	23/9/1992	Nam	Ths	TN	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý môi trường.	Anh	
389	Phạm Thị Thu Thảo	07/01/1994	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý môi trường.	Anh	
390	Lê Anh Thơ	31/3/1998	Nữ	ĐH	TN	Quản lý môi trường	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý môi trường.	Anh	
391	Nguyễn Thu Trang	11/7/1999	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý môi trường.	Anh	
392	Nguyễn Văn Tuấn	13/5/1996	Nam	ĐH	TN	Công nghệ kỹ thuật môi trường	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý môi trường.	Anh	
393	Phạm Quốc Tuấn	10/12/1992	Nam	ĐH	TN	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	54	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội, Sở TN&MT	Quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý môi trường.	Anh	
394	Nguyễn Khánh Linh	23/4/1995	Nữ	ĐH	NV1	Hệ thống thông tin quản lý	55	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Tin học; Công nghệ thông tin.	Anh	
395	Lê Minh Tuấn	14/5/1983	Nam	ĐH	NV1	Công nghệ thông tin	55	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Tin học; Công nghệ thông tin.	Anh	
396	Nhâm Mai Anh	10/11/2000	Nữ	ĐH	NV1	Chính trị học	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Hành chính; Chính trị học; Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Anh	
397	Nguyễn Thị Thanh Hải	12/6/1999	Nữ	ĐH	NV1	Chính trị học - Văn hóa học	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Hành chính; Chính trị học; Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Anh	
398	Nguyễn Thị Hoa	29/7/1997	Nữ	ĐH	NV1	Chính trị học	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Hành chính; Chính trị học; Chủ nghĩa xã hội khoa học.	MNN	
399	Đào Duy Khánh	15/10/1996	Nam	Ths	NV1	Chính trị học	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Hành chính; Chính trị học; Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Anh	
400	Bùi Thị Linh	02/01/1991	Nữ	Ths	NV1	Chính trị học	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Hành chính; Chính trị học; Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Anh	
401	Nguyễn Khánh Linh	09/5/1998	Nữ	ĐH	NV1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Hành chính; Chính trị học; Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Anh	
402	Trần Hương Ly	19/9/1998	Nữ	ĐH	NV1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Hành chính; Chính trị học; Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Anh	
403	Đặng Bích Ngọc	03/12/1982	Nữ	ĐH	NV1	Hành chính	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Hành chính; Chính trị học; Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điện ưu tiên
404	Phùng Thị Minh Phượng	01/9/1996	Nữ	ĐH	NV1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Hành chính; Chính trị học; Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Anh	DTTS
405	Nguyễn Thị Phương Thịnh	01/01/1995	Nữ	ĐH	NV1	Chính trị học	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Hành chính; Chính trị học; Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Anh	
406	Nguyễn Thị Trang	03/9/1995	Nữ	ĐH	NV1	Chính trị học	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Hành chính; Chính trị học; Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Anh	
407	Đỗ Thị Yến	17/10/1997	Nữ	ĐH	NV1	Giáo dục chính trị	56	Văn phòng sở, Sở TT&TT	Hành chính; Chính trị học; Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Anh	
408	Dương Mạnh Đạt	19/11/1996	Nam	ĐH	TT	Kỹ thuật điện tử viễn thông	58	Phòng Bưu chính - Viễn thông, Sở TT&TT	Điện tử - Viễn thông.	Anh	
409	Trần Văn Hải	18/01/1994	Nam	ĐH	TT	Kỹ thuật Điện tử - Truyền thông	58	Phòng Bưu chính - Viễn thông, Sở TT&TT	Điện tử - Viễn thông.	Anh	
410	Bùi Trọng Hoàng	17/5/1997	Nam	ĐH	TT	Điện tử viễn thông	58	Phòng Bưu chính - Viễn thông, Sở TT&TT	Điện tử - Viễn thông.	MNN	
411	Nguyễn Thị Hanh	16/7/1991	Nữ	Ths	TT	Lý luận Văn học	59	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Xuất bản; Ngữ văn.	Anh	
412	La Thị Hiền	30/8/1995	Nữ	ĐH	TT	Sư phạm ngữ văn	59	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Xuất bản; Ngữ văn.	Anh	DTTS
413	Khuất Thị Lan Hương	18/9/1994	Nữ	ĐH	TT	Sư phạm ngữ văn	59	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Xuất bản; Ngữ văn.	Anh	
414	Dương Bảo Ngọc	19/3/1986	Nữ	ĐH	TT	Phát hành xuất bản phẩm	59	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Xuất bản; Ngữ văn.	Anh	
415	Đỗ Lan Phương	28/8/1998	Nữ	ĐH	TT	Sư phạm Ngữ văn	59	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Xuất bản; Ngữ văn.	Anh	
416	Nguyễn Quỳnh Trang	14/02/1998	Nữ	ĐH	TT	Sư phạm ngữ văn	59	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Xuất bản; Ngữ văn.	Anh	
417	Vương Thị Long	20/6/1988	Nữ	ĐH	TT	Báo chí	60	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Báo chí	Anh	
418	Tô Ngọc Anh Minh	28/3/1993	Nam	ĐH	TT	Báo chí	60	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Báo chí	Anh	
419	Vũ Thùy Trang	26/2/1994	Nữ	ĐH	TT	Báo chí	60	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Báo chí	MNN	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
420	Trần Huyền Vy	21/02/1997	Nữ	ĐH	TT	Báo chí	60	Phòng Báo chí - Xuất bản - Truyền thông, Sở TT&TT	Báo chí	Anh	
421	Đặng Thu Thuỳ	16/11/1995	Nữ	ĐH	TT	Quan hệ công chúng và truyền thông	61	Phòng Thông tin điện tử, Sở TT&TT	Báo chí; Truyền thông.	Anh	
422	Nguyễn Thị Lan Anh	07/01/1992	Nữ	ĐH	NV3	Hành chính học	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
423	Lê Đức Bình	30/01/1998	Nam	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
424	Phạm Mạnh Cường	21/8/1988	Nam	Ths	NV3	Luật kinh tế	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	CTB
425	Đoàn Minh Dương	15/01/1991	Nam	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
426	Nguyễn Văn Dương	27/3/1994	Nam	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
427	Dương Thị Việt Hà	04/12/2000	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
428	Bùi Thị Hào	24/5/1996	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
429	Đỗ Tiến Hiệp	18/4/1998	Nam	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
430	Nguyễn Thu Hương	10/12/1997	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
431	Lưu Thúy Hường	10/5/1996	Nữ	Ths	NV3	Luật dân sự và tố tụng dân sự	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
432	Vũ Thị Minh Hường	19/10/1998	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
433	Nguyễn Thị Liên	25/02/1998	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	DTTS
434	Phạm Thị Hồng Liên	27/4/2000	Nữ	ĐH	NV3	Luật kinh tế	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
435	Nguyễn Nhật Linh	12/6/1997	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
436	Nguyễn Thị Lợi	10/5/1994	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
437	Đỗ Trà My	11/7/1998	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
438	Đỗ Thị Kim Ngân	29/9/1997	Nữ	ĐH	NV3	Luật	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
439	Đỗ Tuyết Ngân	08/10/1995	Nữ	ĐH	NV3	Luật	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
440	Lưu Thúy Ngọc	07/8/1994	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	DTTS
441	Phí Thảo Nhung	25/3/1999	Nữ	ĐH	NV3	Luật	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
442	Hà Văn Thanh	07/01/1999	Nam	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	DTTS
443	Nguyễn Hoài Thanh	11/3/1995	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
444	Nguyễn Thị Hồng Thu	02/01/1997	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
445	Lường Văn Thương	02/5/1990	Nam	Ths	NV3	Quản lý công	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	DTTS
446	Cần Thanh Tùng	24/5/1999	Nam	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	63	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Xây dựng	Hành chính học; Quản lý Nhà nước; Luật.	Anh	
447	Đinh Thị Thu Trang	15/02/1996	Nữ	ĐH	NV2	Lưu trữ học	64	Văn phòng sở, Sở Xây dựng	Văn thư; Lưu trữ	Anh	
448	Hoàng Minh Đức	01/5/1997	Nam	ĐH	TP	Quản lý xây dựng	65	Phòng Pháp chế, Sở Xây dựng	Luật; Xây dựng.	Anh	
449	Nguyễn Văn Hằng	15/7/2000	Nữ	ĐH	TP	Luật	65	Phòng Pháp chế, Sở Xây dựng	Luật; Xây dựng.	Anh	
450	Nông Thị Thanh Hường	28/01/2000	Nữ	ĐH	TP	Luật	65	Phòng Pháp chế, Sở Xây dựng	Luật; Xây dựng.	Anh	DTTS
451	Chu Đình Linh	05/4/1994	Nam	Ths	TP	Luật	65	Phòng Pháp chế, Sở Xây dựng	Luật; Xây dựng.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
452	Đặng Nhật Minh	09/9/2000	Nữ	ĐH	TP	Luật kinh tế	65	Phòng Pháp chế, Sở Xây dựng	Luật; Xây dựng.	Anh	
453	Đinh Bảo Thư	06/11/1982	Nữ	ĐH	TP	Kinh tế xây dựng	65	Phòng Pháp chế, Sở Xây dựng	Luật; Xây dựng.	Anh	
454	Nguyễn Thanh Vân	27/5/1990	Nữ	Ths	TP	Luật học	65	Phòng Pháp chế, Sở Xây dựng	Luật; Xây dựng.	Anh	
455	Nguyễn Tuấn Anh	28/10/1999	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật công trình xây dựng	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Xây dựng; Kiến trúc.	Anh	
456	Trần Tuấn Dũng	10/5/1998	Nam	ĐH	XD	Quản lý xây dựng	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Xây dựng; Kiến trúc.	Anh	
457	Bùi Thị Hiên	03/02/1990	Nữ	ĐH	XD	Kiến trúc công trình	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Xây dựng; Kiến trúc.	Anh	
458	Trần Thị Hiên	15/01/1991	Nữ	ĐH	XD	Kinh tế và quản lý xây dựng	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Xây dựng; Kiến trúc.	Anh	
459	Nguyễn Thế Hoàn	18/7/1992	Nam	Ths	XD	Kiến trúc	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Xây dựng; Kiến trúc.	Anh	
460	Lý Hoàng Minh	05/01/1984	Nam	ĐH	XD	Xây dựng cầu đường bộ	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Xây dựng; Kiến trúc.	Anh	
461	Nguyễn Hữu Sơn	17/8/1998	Nam	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Xây dựng; Kiến trúc.	Anh	
462	Nguyễn Duy Thành	12/5/1989	Nam	ĐH	XD	Xây dựng	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Xây dựng; Kiến trúc.	Anh	
463	Ứng Văn Thành	08/11/1973	Nam	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Xây dựng; Kiến trúc.	Anh	
464	Trần Anh Tú	14/02/1992	Nam	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	66	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng.	Xây dựng; Kiến trúc.	Anh	
465	Cao Thị Thu	08/12/1991	Nữ	ĐH	NV2	Lưu trữ học và quản trị văn phòng	67	Văn phòng sở, Sở Y tế	Lưu trữ	Anh	
466	Đỗ Phương Linh	27/01/1997	Nữ	ĐH	YT	Bác sĩ đa khoa	68	Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế	Bác sĩ đa khoa	Anh	
467	Nguyễn Thanh Thủy	01/9/1997	Nữ	ĐH	YT	Bác sĩ đa khoa	68	Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế	Bác sĩ đa khoa	Anh	
468	Nguyễn Phương Thảo	08/9/1999	Nữ	ĐH	NV3	Y tế công cộng	70	Phòng Tổ chức - Hành chính, CC ĐSKHHGD, Sở Y tế.	Y tế công cộng	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
469	Nguyễn Thị Quyên	31/3/1998	Nữ	ĐH	TTR	Quản trị doanh nghiệp	71	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Quản trị doanh nghiệp	Anh	
470	Đàm Quang Trung	14/02/1992	Nam	ĐH	TTR	Quản trị kinh doanh, quản trị doanh nghiệp	71	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Quản trị doanh nghiệp	MNN	
471	Phạm Gia Vinh	21/12/1994	Nam	ĐH	TTR	Quản trị doanh nghiệp	71	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Quản trị doanh nghiệp	Anh	CTB
472	Đào Lan Anh	10/6/1998	Nữ	ĐH	TTR	Tài chính - Ngân hàng	72	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Tài chính, Thủy lợi	Anh	
473	Bùi Nam Giang	28/11/1991	Nam	Ths	TTR	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	72	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Tài chính, Thủy lợi	Anh	
474	Vũ Thị Quý	23/01/1984	Nữ	ĐH	TTR	Thủy lợi	72	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Tài chính, Thủy lợi	Anh	
475	Trần Phương Thảo	08/3/1991	Nữ	ĐH	TTR	Tài chính - Ngân hàng	72	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Tài chính, Thủy lợi	Anh	
476	Lê Thu Trang	08/5/1990	Nữ	ĐH	TTR	Tài chính	72	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Tài chính, Thủy lợi	Anh	
477	Nguyễn Văn Vịnh	14/6/1987	Nam	Ths	TTR	Kỹ thuật tài nguyên nước	72	Văn phòng, Thanh tra Thành phố	Tài chính, Thủy lợi	Anh	
478	Vũ Minh Bách	28/9/1997	Nam	ĐH	TTR	Quản lý Đất đai	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	Anh	
479	Nguyễn Hùng Cường	09/9/1992	Nam	ĐH	TTR	Quản lý Đất đai	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	Anh	
480	Trần Văn Dũng	21/7/1997	Nam	ĐH	TTR	Quản lý Đất đai	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	Anh	
481	Đào Quý Dương	02/12/1993	Nam	ĐH	TTR	Địa chính (Quản lý đất đai)	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
482	Phạm Văn Duy	29/11/1994	Nam	ĐH	TTR	Quản lý Đất đai	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	Anh	
483	Phan Anh Giáp	12/02/1994	Nam	ĐH	TTR	Quản lý Đất đai	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	Anh	CBB
484	Nguyễn Ngọc Hùng	28/9/1993	Nam	ĐH	TTR	Quản lý đất đai	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	Anh	
485	Phạm Duy Hưng	18/02/1995	Nam	ĐH	TTR	Quản lý Đất đai	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	Anh	
486	Phạm Đức Lộc	20/4/1995	Nam	ĐH	TTR	Quản lý Đất đai	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	Anh	
487	Vũ Thị Thanh Mai	09/02/1986	Nữ	ĐH	TTR	Quản lý đất đai	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	Anh	
488	Nghiêm Minh Phú	19/01/1991	Nam	ĐH	TTR	Quản lý đất đai	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	MNN	
489	Nguyễn Tuấn Phương	09/4/1992	Nam	ĐH	TTR	Quản lý Đất đai	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	Anh	
490	Trương Văn Tân	23/6/1997	Nam	ĐH	TTR	Quản lý Đất đai	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	Anh	CBB
491	Nguyễn Hữu Thành	26/7/1999	Nam	ĐH	TTR	Quản lý Đất đai	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
492	Kim Thị Thu Trang	23/8/1992	Nữ	Ths	TTR	Quản lý Đất đai	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	Anh	
493	Ngô Minh Tuấn	14/02/1995	Nam	Ths	TTR	Quản lý Đất đai	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	Anh	
494	Phạm Đình Văn	21/3/1984	Nam	ĐH	TTR	Quản lý đất đai	73	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố	Quản lý đất đai	Anh	HTNV
495	Nguyễn Trung Dũng	27/7/1978	Nam	ĐH	TTR	Quy hoạch và quản lý Giao thông vận tải đô thị	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Giao thông; Xây dựng.	Anh	
496	Nguyễn Hồng Dương	06/5/1993	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng Cầu đường bộ	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Giao thông; Xây dựng.	Anh	
497	Đoàn Trường Giang	13/4/1993	Nam	ĐH	TTR	Công nghệ kỹ thuật XD cầu đường bộ	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Giao thông; Xây dựng.	Anh	
498	Đỗ Xuân Huy	28/7/1996	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Giao thông; Xây dựng.	Anh	
499	Phan Ngọc Linh	05/8/1994	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Giao thông; Xây dựng.	Anh	
500	Đỗ Hằng Nga	29/10/1992	Nữ	ĐH	TTR	Kinh tế xây dựng công trình giao thông	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Giao thông; Xây dựng.	Anh	
501	Đào Minh Phương	24/9/1984	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng cầu đường bộ	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Giao thông; Xây dựng.	Anh	CTB

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
502	Phạm Bảo Thắng	28/9/1992	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Giao thông; Xây dựng.	Anh	CTB
503	Nguyễn Minh Thành	07/02/1994	Nam	Ths	TTR	Quản lý xây dựng	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Giao thông; Xây dựng.	Anh	
504	Lê Anh Tuấn	26/8/1990	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng cầu đường bộ	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Giao thông; Xây dựng.	Anh	
505	Leo Anh Tuấn	02/3/1999	Nam	ĐH	TTR	Kinh tế xây dựng công trình giao thông	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Giao thông; Xây dựng.	Anh	DTTS
506	Lê Duy Tùng	30/4/1994	Nam	ĐH	TTR	Kỹ thuật xây dựng công trình	74	Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Thành phố	Giao thông; Xây dựng.	Anh	
507	Đặng Ngọc Anh	17/12/1997	Nữ	ĐH	KH	Luật kinh tế	75	Phòng Quản lý Đầu tư, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Luật kinh tế	Anh	
508	Nguyễn Thị Huyền	20/9/1986	Nữ	ĐH	KH	Luật kinh tế	75	Phòng Quản lý Đầu tư, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Luật kinh tế	Anh	
509	Phạm Trung Kiên	25/10/1999	Nam	ĐH	KH	Luật kinh tế	75	Phòng Quản lý Đầu tư, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Luật kinh tế	Anh	
510	Nguyễn Đình Thành	02/10/1993	Nam	ĐH	KH	Luật kinh tế	75	Phòng Quản lý Đầu tư, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Luật kinh tế	Anh	
511	Nguyễn Thị Uyên	25/02/1988	Nữ	ĐH	KH	Luật kinh tế	75	Phòng Quản lý Đầu tư, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Luật kinh tế	Anh	
512	Tô Văn Đạt	25/02/1996	Nam	ĐH	KH	Quản trị kinh doanh	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Quản trị kinh doanh; Quản lý nhà nước.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
513	Bùi Anh Đức	07/01/1992	Nam	Ths	KH	Quản trị kinh doanh	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Quản trị kinh doanh; Quản lý nhà nước.	Anh	
514	Tạ Hoàng Hải	06/7/1993	Nam	ĐH	KH	Quản lý nhà nước	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Quản trị kinh doanh; Quản lý nhà nước.	Anh	
515	Đỗ Nguyễn Thuý Hằng	02/4/1986	Nữ	ĐH	KH	Quản trị kinh doanh	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Quản trị kinh doanh; Quản lý nhà nước.	Anh	
516	Nguyễn Phi Hùng	23/01/1996	Nam	Ths	KH	Quản trị kinh doanh	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Quản trị kinh doanh; Quản lý nhà nước.	Anh	
517	Bùi Thanh Hương	23/4/1995	Nữ	ĐH	KH	Quản lý nhà nước	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Quản trị kinh doanh; Quản lý nhà nước.	Anh	
518	Đào Quang Minh	22/8/1997	Nam	ĐH	KH	Quản trị kinh doanh quốc tế	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Quản trị kinh doanh; Quản lý nhà nước.	MNN	
519	Nguyễn Trường Sơn	07/11/2000	Nam	ĐH	KH	Quản trị kinh doanh	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Quản trị kinh doanh; Quản lý nhà nước.	Anh	
520	Vũ Thị Giang Thùy	29/4/1988	Nữ	ĐH	KH	Quản trị kinh doanh	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Quản trị kinh doanh; Quản lý nhà nước.	Anh	
521	Đỗ Thị Toán	25/11/1993	Nữ	ĐH	KH	Quản trị Kinh doanh	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Quản trị kinh doanh; Quản lý nhà nước.	Anh	
522	Nguyễn Viết Toàn	25/7/1992	Nam	ĐH	KH	Quản trị kinh doanh	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Quản trị kinh doanh; Quản lý nhà nước.	Anh	

Đo

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
523	Tạ Văn Vĩnh	18/9/1986	Nam	ĐH	KH	Hành chính học	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Quản trị kinh doanh; Quản lý nhà nước.	Anh	
524	Phạm Thu YẾN	09/5/1987	Nữ	ĐH	KH	Quản trị kinh doanh	76	Văn phòng Đại diện tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý các khu CN và CX Hà Nội	Quản trị kinh doanh; Quản lý nhà nước.	MNN	
525	Hà Ngọc Cảnh	15/4/1983	Nam	Ths	XD	Kỹ thuật xây dựng	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Kinh tế xây dựng; Xây dựng; Quản lý đô thị; Quy hoạch đô thị; Quy hoạch kiến trúc.	Anh	
526	Vũ Đăng Dương	16/10/1997	Nam	ĐH	XD	Quản lý nhà nước về đô thị	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Kinh tế xây dựng; Xây dựng; Quản lý đô thị; Quy hoạch đô thị; Quy hoạch kiến trúc.	Anh	
527	Nguyễn Duy Hùng	16/9/1991	Nam	ĐH	XD	Quy hoạch đô thị	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Kinh tế xây dựng; Xây dựng; Quản lý đô thị; Quy hoạch đô thị; Quy hoạch kiến trúc.	Anh	
528	Đào Quốc Huy	25/3/1991	Nam	Ths	XD	Quản lý đô thị	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Kinh tế xây dựng; Xây dựng; Quản lý đô thị; Quy hoạch đô thị; Quy hoạch kiến trúc.	Anh	
529	Lê Thành Long	17/8/1991	Nam	Ths	XD	Quản lý đô thị	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Kinh tế xây dựng; Xây dựng; Quản lý đô thị; Quy hoạch đô thị; Quy hoạch kiến trúc.	Anh	
530	Mai Đức Mai	15/4/1993	Nam	ĐH	XD	Luật	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Kinh tế xây dựng; Xây dựng; Quản lý đô thị; Quy hoạch đô thị; Quy hoạch kiến trúc.	Trung	
531	Nguyễn Quang Minh	31/3/1986	Nam	Ths	XD	Quản lý đô thị và công trình	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Kinh tế xây dựng; Xây dựng; Quản lý đô thị; Quy hoạch đô thị; Quy hoạch kiến trúc.	MNN	
532	Đặng Thị Trà My	08/11/1998	Nữ	ĐH	XD	Kinh tế xây dựng	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Kinh tế xây dựng; Xây dựng; Quản lý đô thị; Quy hoạch đô thị; Quy hoạch kiến trúc.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
533	Nguyễn Như Quỳnh	14/02/1987	Nữ	ĐH	XD	Kinh tế xây dựng	77	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Kinh tế xây dựng; Xây dựng; Quản lý đô thị; Quy hoạch đô thị; Quy hoạch kiến trúc.	Anh	
534	Đỗ Quỳnh Anh	4/7/1999	Nữ	ĐH	TC2	Tài chính - Ngân hàng	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Tài chính - ngân hàng; Tài chính - Kế toán; Kinh tế; Kế hoạch; Đầu tư.	Anh	
535	Đoàn Việt Anh	12/12/1995	Nam	ĐH	TC2	Kinh tế	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Tài chính - ngân hàng; Tài chính - Kế toán; Kinh tế; Kế hoạch; Đầu tư.	Anh	
536	Nguyễn Thị Phương Anh	02/01/2000	Nữ	ĐH	TC2	Tài chính - Ngân hàng	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Tài chính - ngân hàng; Tài chính - Kế toán; Kinh tế; Kế hoạch; Đầu tư.	Anh	
537	Phạm Văn Diện	09/8/1994	Nam	ĐH	TC2	Tài chính - Ngân hàng	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Tài chính - ngân hàng; Tài chính - Kế toán; Kinh tế; Kế hoạch; Đầu tư.	Anh	
538	Nguyễn Công Hùng	21/11/1988	Nam	ĐH	TC2	Tài chính - Ngân hàng	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Tài chính - ngân hàng; Tài chính - Kế toán; Kinh tế; Kế hoạch; Đầu tư.	Anh	
539	Trần Thái Linh	13/3/1987	Nữ	Ths	TC2	Tài chính - Ngân hàng	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Tài chính - ngân hàng; Tài chính - Kế toán; Kinh tế; Kế hoạch; Đầu tư.	Anh	
540	Nguyễn Quang Lộc	21/9/1995	Nam	Ths	TC2	Tài chính doanh nghiệp	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Tài chính - ngân hàng; Tài chính - Kế toán; Kinh tế; Kế hoạch; Đầu tư.	Anh	
541	Lương Tiên Luận	03/11/1999	Nam	ĐH	TC2	Tài chính ngân hàng	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Tài chính - ngân hàng; Tài chính - Kế toán; Kinh tế; Kế hoạch; Đầu tư.	Anh	
542	Phạm Hoàng Nam	25/9/1994	Nam	ĐH	TC2	Kinh tế	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Tài chính - ngân hàng; Tài chính - Kế toán; Kinh tế; Kế hoạch; Đầu tư.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
543	Bùi Thị Ngân	17/6/1989	Nữ	ĐH	TC2	Kinh tế	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Tài chính - ngân hàng; Tài chính - Kế toán; Kinh tế; Kế hoạch; Đầu tư.	Anh	
544	Nguyễn Tuấn	19/12/1998	Nam	ĐH	TC2	Tài chính - Ngân hàng	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Tài chính - ngân hàng; Tài chính - Kế toán; Kinh tế; Kế hoạch; Đầu tư.	Anh	
545	Trần Vĩnh Sơn	10/02/1995	Nam	ĐH	TC2	Tài chính - Ngân hàng	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Tài chính - ngân hàng; Tài chính - Kế toán; Kinh tế; Kế hoạch; Đầu tư.	Anh	
546	Ngô Ngọc Thắng	30/8/1999	Nam	ĐH	TC2	Kinh tế	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Tài chính - ngân hàng; Tài chính - Kế toán; Kinh tế; Kế hoạch; Đầu tư.	Anh	
547	Uông Thanh Tùng	23/02/1995	Nam	ĐH	TC2	Tài chính ngân hàng	78	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý kinh tế; Tài chính - ngân hàng; Tài chính - Kế toán; Kinh tế; Kế hoạch; Đầu tư.	Anh	
548	Nguyễn Thảo Anh	05/5/1993	Nữ	ĐH	TT	Công tác xã hội	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính; Quản lý văn hóa; Du lịch; Kinh doanh du lịch; Văn hóa; Xã hội; Giáo dục; Quản lý GD; Quản lý y tế; Công tác XH; Bảo hộ LĐ.	Anh	
549	Kiều Tường Chi	30/01/2000	Nữ	ĐH	TT	Luật	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính; Quản lý văn hóa; Du lịch; Kinh doanh du lịch; Văn hóa; Xã hội; Giáo dục; Quản lý GD; Quản lý y tế; Công tác XH; Bảo hộ LĐ.	Anh	
550	Tạ Thùy Dương	05/10/1994	Nữ	ĐH	TT	Địa lý du lịch và Du lịch sinh thái	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính; Quản lý văn hóa; Du lịch; Kinh doanh du lịch; Văn hóa; Xã hội; Giáo dục; Quản lý GD; Quản lý y tế; Công tác XH; Bảo hộ LĐ.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
551	Phạm Thị Hương	02/4/1992	Nữ	Ths	TT	Quản lý văn hóa	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính; Quản lý văn hóa; Du lịch; Kinh doanh du lịch; Văn hóa; Xã hội; Giáo dục; Quản lý GD; Quản lý y tế; Công tác XH; Bảo hộ LĐ.	Anh	
552	Lê Thu Lam	18/9/1999	Nữ	ĐH	TT	Luật	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính; Quản lý văn hóa; Du lịch; Kinh doanh du lịch; Văn hóa; Xã hội; Giáo dục; Quản lý GD; Quản lý y tế; Công tác XH; Bảo hộ LĐ.	Anh	
553	Đỗ Thị Lệ	09/6/1995	Nữ	ĐH	TT	Quản lý nhà nước	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính; Quản lý văn hóa; Du lịch; Kinh doanh du lịch; Văn hóa; Xã hội; Giáo dục; Quản lý GD; Quản lý y tế; Công tác XH; Bảo hộ LĐ.	Anh	
554	Lê Thị Thuỳ Linh	18/5/1997	Nữ	ĐH	TT	Bảo hộ lao động	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính; Quản lý văn hóa; Du lịch; Kinh doanh du lịch; Văn hóa; Xã hội; Giáo dục; Quản lý GD; Quản lý y tế; Công tác XH; Bảo hộ LĐ.	Anh	
555	Mai Bích Loan	05/01/1999	Nữ	ĐH	TT	Luật	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính; Quản lý văn hóa; Du lịch; Kinh doanh du lịch; Văn hóa; Xã hội; Giáo dục; Quản lý GD; Quản lý y tế; Công tác XH; Bảo hộ LĐ.	Anh	
556	Nguyễn Anh Minh	05/02/1998	Nam	ĐH	TT	Công tác xã hội	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính; Quản lý văn hóa; Du lịch; Kinh doanh du lịch; Văn hóa; Xã hội; Giáo dục; Quản lý GD; Quản lý y tế; Công tác XH; Bảo hộ LĐ.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
557	Nguyễn Thị Băng Tâm	04/11/1999	Nữ	ĐH	TT	Quản lý văn hóa	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính; Quản lý văn hóa; Du lịch; Kinh doanh du lịch; Văn hóa; Xã hội; Giáo dục; Quản lý GD; Quản lý y tế; Công tác XH; Bảo hộ LĐ.	Anh	
558	Bùi Thị Thu Trang	22/10/1986	Nữ	ĐH	TT	Luật kinh tế	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính; Quản lý văn hóa; Du lịch; Kinh doanh du lịch; Văn hóa; Xã hội; Giáo dục; Quản lý GD; Quản lý y tế; Công tác XH; Bảo hộ LĐ.	Anh	
559	Hà Thị Trọng	10/10/1996	Nữ	ĐH	TT	Bảo hộ lao động	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính; Quản lý văn hóa; Du lịch; Kinh doanh du lịch; Văn hóa; Xã hội; Giáo dục; Quản lý GD; Quản lý y tế; Công tác XH; Bảo hộ LĐ.	Anh	
560	Lò Văn Tuyển	18/8/1996	Nam	ĐH	TT	Du lịch	79	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính; Quản lý văn hóa; Du lịch; Kinh doanh du lịch; Văn hóa; Xã hội; Giáo dục; Quản lý GD; Quản lý y tế; Công tác XH; Bảo hộ LĐ.	Anh	DTTS
561	Nguyễn Thị Kim Anh	05/10/1998	Nữ	ĐH	TP	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
562	Phạm Tuấn Cường	13/7/1995	Nam	Ths	TP	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
563	Phạm Văn Độ	30/5/1990	Nam	ĐH	TP	Chính trị học	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
564	Phạm Thị Thu Hà	06/01/1999	Nữ	ĐH	TP	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
565	Cao Thị Hồng	10/2/1995	Nữ	ĐH	TP	Chính trị học	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
566	Đinh Ngọc Huyền	13/12/1999	Nữ	ĐH	TP	Luật	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
567	Đặng Quang Linh	20/8/2000	Nam	ĐH	TP	Luật	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
568	Phạm Khánh Linh	15/5/2000	Nữ	ĐH	TP	Luật	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
569	Mai Văn Minh	16/8/1988	Nam	ĐH	TP	Luật	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
570	Nguyễn Quang Minh	14/6/1999	Nam	ĐH	TP	Luật	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
571	Nguyễn Lan Nhi	15/02/2000	Nữ	ĐH	TP	Luật	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
572	Hoàng Nguyên Phương	24/4/1997	Nam	ĐH	TP	Luật	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
573	Đặng Thúy Quỳnh	08/9/2000	Nữ	ĐH	TP	Luật	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
574	Nguyễn Hồng Sơn	16/9/1996	Nam	Ths	TP	Luật kinh tế	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
575	Phạm Hoàng Anh Thái	16/11/1995	Nam	ĐH	TP	Quản lý nhà nước	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
576	Nguyễn Đình Chiến Thắng	03/11/1997	Nam	ĐH	TP	Luật	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	HTNV
577	Nguyễn Huyền Trang	18/3/1993	Nữ	ĐH	TP	Luật	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	CBB
578	Tạ Ngọc Mai Trang	12/3/2000	Nữ	ĐH	TP	Luật	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
579	Đỗ Minh Tú	15/01/1997	Nam	ĐH	TP	Luật	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
580	Đặng Vũ Việt	5/5/1996	Nam	ĐH	TP	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
581	Nguyễn Thị Hải Yến	04/8/1982	Nữ	ĐH	TP	Luật	80	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, VP Đoàn đại biểu QH và HĐND TP	Luật; Hành chính học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.	Anh	
582	Lê Thị Thanh Hà	21/8/2000	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý nguồn nhân lực	81	Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị, VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính công; Quản trị nhân lực.	Anh	CTB
583	Nguyễn Chiến Thắng	02/10/1984	Nam	ĐH	NV1	Quản lý hành chính công	81	Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị, VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính công; Quản trị nhân lực.	Anh	
584	Lê Thị Thúy	01/5/1979	Nữ	ĐH	NV1	Quản trị nhân lực	81	Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị, VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính công; Quản trị nhân lực.	MNN	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
585	Nguyễn Thị Thuyền	14/9/1989	Nữ	ĐH	NV1	Hành chính học	81	Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị, VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính công; Quản trị nhân lực.	Anh	
586	Dương Nghiệp Hồng Vũ	30/5/1999	Nam	ĐH	NV1	Luật	81	Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị, VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP	Luật; Quản lý hành chính công; Quản trị nhân lực.	Anh	
587	Hoàng Lê Chương	08/5/1996	Nam	ĐH	NV1	Quản lý nhà nước	82	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Hành chính	Anh	
588	Nguyễn Thế Hùng	07/02/1993	Nam	ĐH	NV1	Hành chính học	82	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Hành chính	Anh	
589	Thành Nguyễn Thùy Ny	01/02/1984	Nữ	Ths	NV1	Quản lý công	82	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Hành chính	Anh	
590	Cao Xuân Quảng	08/5/1987	Nam	ĐH	NV1	Hành chính học	82	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Hành chính	Anh	
591	Nguyễn Quang Vũ	14/02/1995	Nam	ĐH	NV1	Quản lý nhà nước	82	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Hành chính	Anh	
592	Trần Dương Ngọc Giang	14/3/1999	Nam	ĐH	NV1	Quản lý Đất đai	83	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Quản lý đất đai	Anh	
593	Nguyễn Minh Huyền	18/8/1998	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý Đất đai	83	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Quản lý đất đai	Anh	
594	Đàm Nguyễn Yến Linh	29/3/1998	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý Đất đai	83	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Quản lý đất đai	Anh	
595	Nguyễn Đức Mạnh	28/9/1992	Nam	Ths	NV1	Quản lý Đất đai	83	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Quản lý đất đai	Anh	
596	Phạm Thành Nam	11/5/1994	Nam	ĐH	NV1	Quản lý Đất đai	83	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Quản lý đất đai	Anh	
597	Nguyễn Hải Ninh	16/8/1993	Nam	ĐH	NV1	Quản lý Đất đai	83	VP HĐND và UBND quận Ba Đình.	Quản lý đất đai	Anh	
598	Lương Thị Thùy Dương	06/6/1996	Nữ	ĐH	TN	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	84	Phòng TN&MT quận Ba Đình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	Anh	
599	Vũ Minh Lý	11/8/1993	Nam	ĐH	TN	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	84	Phòng TN&MT quận Ba Đình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	Anh	
600	Phạm Vũ Tiến	07/10/1994	Nam	ĐH	TN	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	84	Phòng TN&MT quận Ba Đình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
601	Vũ Diệp Anh	11/7/1999	Nữ	ĐH	TT	Quản lý văn hóa	85	Phòng VH TT quận Ba Đình	Quản lý văn hoá; Thông tin cổ động; Tuyên truyền.	Anh	
602	Lê Hữu Hoa	03/01/1994	Nam	ĐH	TT	Quản lý Văn hóa	85	Phòng VH TT quận Ba Đình	Quản lý văn hoá; Thông tin cổ động; Tuyên truyền.	Anh	HTNV
603	Dương Thùy Linh	21/6/1997	Nữ	ĐH	TT	Quản lý Văn hóa	85	Phòng VH TT quận Ba Đình	Quản lý văn hoá; Thông tin cổ động; Tuyên truyền.	Anh	
604	Lê Bích Vượng	13/8/1997	Nữ	ĐH	TT	Quản lý Văn hóa	85	Phòng VH TT quận Ba Đình	Quản lý văn hoá; Thông tin cổ động; Tuyên truyền.	Anh	
605	Nguyễn Thị Mai Châm	12/3/1993	Nữ	ĐH	YT	Y học cổ truyền	86	Phòng Y tế quận Ba Đình	Y học cổ truyền	Anh	
606	Nguyễn Thị Hoàng Dung	04/11/1994	Nữ	ĐH	YT	Y học cổ truyền	86	Phòng Y tế quận Ba Đình	Y học cổ truyền	Anh	
607	Nguyễn Thị Thanh Duyên	22/11/1991	Nữ	ĐH	YT	Bác sĩ Y học cổ truyền	86	Phòng Y tế quận Ba Đình	Y học cổ truyền	Anh	
608	Phạm Văn Huy	25/10/1995	Nam	ĐH	YT	Bác sĩ Y học cổ truyền	86	Phòng Y tế quận Ba Đình	Y học cổ truyền	Anh	
609	Nguyễn Thành Nơ	23/6/1994	Nam	ĐH	YT	Bác sĩ Y học cổ truyền	86	Phòng Y tế quận Ba Đình	Y học cổ truyền	Trung	CĐCĐ
610	Phạm Thị Nguyệt Hằng	26/02/1996	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm Lịch sử	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Sư phạm (trừ giáo viên mầm non và tiểu học)	Anh	
611	Nguyễn Thị Hậu	11/10/1992	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm Lịch sử	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Sư phạm (trừ giáo viên mầm non và tiểu học)	Anh	
612	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/3/1992	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm Địa lý	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Sư phạm (trừ giáo viên mầm non và tiểu học)	Anh	
613	Nguyễn Trung Hưng	24/8/1998	Nam	ĐH	GD	Sư phạm Hóa học	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Sư phạm (trừ giáo viên mầm non và tiểu học)	Anh	
614	Đặng Thanh Huyền	18/12/1993	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm Hóa	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Sư phạm (trừ giáo viên mầm non và tiểu học)	Anh	
615	Ngô Phương Linh	22/4/2000	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm Sinh học	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Sư phạm (trừ giáo viên mầm non và tiểu học)	Anh	
616	Nguyễn Thị Thùy Linh	24/8/2000	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm vật lý	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Sư phạm (trừ giáo viên mầm non và tiểu học)	Anh	
617	Chu Thị Minh Nguyệt	06/10/1993	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm Mỹ thuật	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Sư phạm (trừ giáo viên mầm non và tiểu học)	Anh	
618	Phan Thị Nhung	10/2/1993	Nữ	Ths	GD	Sư phạm vật lý	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Sư phạm (trừ giáo viên mầm non và tiểu học)	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điện ưu tiên
619	Nguyễn Ngọc Oanh	17/5/1997	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm Ngữ văn	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Sư phạm (trừ giáo viên mầm non và tiểu học)	Anh	
620	Trương Việt Phương	14/01/1995	Nam	ĐH	GD	Sư phạm Tiếng anh	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Sư phạm (trừ giáo viên mầm non và tiểu học)	MNN	
621	Nguyễn Thị Quỳnh	14/8/1992	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm ngữ văn	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Sư phạm (trừ giáo viên mầm non và tiểu học)	Anh	
622	Nguyễn Thị Thanh	03/01/1995	Nữ	Ths	GD	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Sư phạm (trừ giáo viên mầm non và tiểu học)	Anh	
623	An Thị Thu	20/12/1995	Nữ	Ths	GD	Sư phạm Toán học	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Sư phạm (trừ giáo viên mầm non và tiểu học)	Anh	
624	Lê Mạnh Toàn	23/6/1995	Nam	ĐH	GD	Sư phạm vật lý	87	Phòng GD&ĐT quận Ba Đình	Sư phạm (trừ giáo viên mầm non và tiểu học)	Anh	
625	Đào Việt Dũng	12/11/1986	Nam	ĐH	XD	Kinh tế và quản lý xây dựng	88	Đội QLTTXDĐT quận Ba Đình	Xây dựng; Kiến trúc	Anh	
626	Nguyễn Thanh Phong	28/6/1991	Nam	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	88	Đội QLTTXDĐT quận Ba Đình	Xây dựng; Kiến trúc	Anh	
627	Phan Danh Sơn	28/01/1981	Nam	ĐH	XD	Kiến Trúc	88	Đội QLTTXDĐT quận Ba Đình	Xây dựng; Kiến trúc	Anh	
628	Phạm Thanh Vân	07/11/1995	Nữ	ĐH	XD	Kiến trúc	88	Đội QLTTXDĐT quận Ba Đình	Xây dựng; Kiến trúc	Anh	
629	Nguyễn Tiến Dũng	18/5/1976	Nam	ĐH	XD	Hành chính học	89	Đội QLTTXDĐT quận Ba Đình	Hành chính học	Anh	
630	Nguyễn Thị Bích Ngọc	14/12/1978	Nữ	ĐH	XD	Hành chính học	89	Đội QLTTXDĐT quận Ba Đình	Hành chính học	Anh	
631	Đình Văn Vỹ	02/5/1985	Nam	ĐH	XD	Hành chính học	89	Đội QLTTXDĐT quận Ba Đình	Hành chính học	Anh	
632	Nguyễn Thị Lan Anh	29/9/1990	Nữ	Ths	TC2	Kế toán	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	
633	Cao Thùy Dung	01/8/1985	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán tổng hợp	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	
634	Công Thị Thu Hằng	17/7/1985	Nữ	Ths	TC2	Kế toán	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	
635	Hồ Thị Hằng	02/6/1991	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
636	Nguyễn Hồng Hạnh	11/7/1987	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	
637	Tự Thị Hoa	13/01/1991	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	
638	Nguyễn Thị Hồng	27/01/1998	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	
639	Nguyễn Thị Huyền	12/9/1991	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	
640	Tạ Thị Vân	02/9/1999	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	
641	Tạ Văn Lâm	25/5/1994	Nam	ĐH	TC2	Kế toán	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	
642	Bùi Huyền Linh	07/6/1987	Nữ	Ths	TC2	Kế toán	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	
643	Nguyễn Thị Phương Loan	21/10/1988	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	
644	Nguyễn Thị Lương	26/02/1997	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán doanh nghiệp	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	
645	Đỗ Ngọc Ngân	03/9/1991	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	
646	Đức Minh Ngọc	30/11/1989	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	
647	Đỗ Thị Hà Nhung	22/3/1984	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	
648	Hoàng Thu Thủy	09/07/1983	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	
649	Phạm Thị Xiêm	20/8/1994	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán tổng hợp	91	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Kế toán	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
650	Vũ Thị Cúc	10/8/1990	Nữ	ĐH	GD	Giáo dục mầm non	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Sư phạm; Quản lý giáo dục.	Anh	
651	Vũ Việt Cường	15/01/1996	Nam	ĐH	GD	Sư phạm Vật lý	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Sư phạm; Quản lý giáo dục.	Anh	
652	Nguyễn Thùy Dung	11/8/1994	Nữ	Ths	GD	Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Sư phạm; Quản lý giáo dục.	MNN	
653	Lý Thị Hậu	16/5/1998	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm Lịch sử	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Sư phạm; Quản lý giáo dục.	Anh	
654	Phạm Thị Hoa	23/11/1994	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm hóa học	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Sư phạm; Quản lý giáo dục.	Anh	
655	Bùi Thị Thu Hoài	17/8/1999	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm ngữ văn	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Sư phạm; Quản lý giáo dục.	Anh	
656	Đinh Thị Hoàn	05/3/1995	Nữ	ĐH	GD	Quản lý giáo dục	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Sư phạm; Quản lý giáo dục.	Anh	DTTS
657	Phạm Lê Diễm My	06/3/2000	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm ngữ văn	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Sư phạm; Quản lý giáo dục.	Anh	
658	Nguyễn Phương Thu	01/09/1995	Nữ	Ths	GD	Sư phạm triết học	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Sư phạm; Quản lý giáo dục.	Anh	
659	Trần Thị Minh Thúy	27/5/1999	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm Hóa học	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Sư phạm; Quản lý giáo dục.	Anh	
660	Trường Thị Trang	06/10/1976	Nữ	Ths	GD	Quản lý giáo dục	92	Phòng GD&ĐT quận Bắc Từ Liêm	Sư phạm; Quản lý giáo dục.	Anh	
661	Nguyễn Phương Anh	14/6/1997	Nữ	ĐH	CT	Kinh tế	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Kinh tế	Anh	
662	Phùng Thị Phương Anh	15/12/1990	Nữ	ĐH	CT	Kinh tế đối ngoại	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Kinh tế	Anh	
663	Phạm Thị Bình	10/5/1989	Nữ	Ths	CT	Kinh tế	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Kinh tế	Anh	
664	Lê Thị Chúc	16/5/1998	Nữ	ĐH	CT	Kinh tế	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Kinh tế	Anh	
665	Lê Bá Cường	26/3/1996	Nam	ĐH	CT	Kinh tế	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Kinh tế	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
666	Đỗ Diệu Linh	04/5/1993	Nữ	ĐH	CT	Kinh tế	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Kinh tế	Anh	
667	Nguyễn Thị Thu	09/01/1986	Nữ	Ths	CT	Quản lý kinh tế	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Kinh tế	Anh	
668	Đặng Thị Thúy	26/5/1997	Nữ	ĐH	CT	Kinh Tế	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Kinh tế	Anh	
669	Phạm Thị Hải Yến	25/9/1987	Nữ	ĐH	CT	Kinh tế học	93	Phòng Kinh tế quận Bắc Từ Liêm	Kinh tế	MNN	
670	Nguyễn Thị My	05/11/1991	Nữ	ĐH	YT	Y tế công cộng	94	Phòng Y tế quận Bắc Từ Liêm	Y	Anh	
671	Nguyễn Tuấn Vũ	10/6/1990	Nam	ĐH	YT	Bác sỹ răng hàm mặt	94	Phòng Y tế quận Bắc Từ Liêm	Y	Anh	
672	Nguyễn Mạnh Cường	27/7/1990	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật công trình xây dựng	95	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Xây dựng	Anh	
673	Nguyễn Mạnh Hùng	22/6/1991	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật công trình XD	95	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Xây dựng	Anh	
674	Nguyễn Ngọc Hưng	28/01/1991	Nam	ĐH	XD	Kinh tế xây dựng	95	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Xây dựng	Anh	
675	Nguyễn Thị Minh	09/01/1986	Nữ	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	95	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Xây dựng	Anh	
676	Đỗ Đức Nam	07/3/1984	Nam	Ths	XD	Quản lý xây dựng	95	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Xây dựng	Anh	
677	Trần Anh Nam	24/10/1996	Nam	ĐH	XD	Kỹ sư quản lý xây dựng	95	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Xây dựng	Anh	
678	Nguyễn Quốc Quang	15/01/1995	Nam	ĐH	XD	Xây dựng	95	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Xây dựng	Anh	
679	Lê Xuân Sanh	08/7/1985	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật XD Công trình	95	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Xây dựng	MNN	
680	Phạm Đức Thành	9/4/1993	Nam	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	95	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Xây dựng	Anh	
681	Lê Xuân Thịnh	07/5/1984	Nam	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	95	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Xây dựng	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
682	Nguyễn Hoàng Thành Trung	04/11/1984	Nam	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	95	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Xây dựng	Anh	
683	Đỗ Xuân Trường	12/6/1992	Nam	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	95	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Xây dựng	Anh	
684	Hoàng Văn Vũ	29/5/1998	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật xây dựng	95	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Xây dựng	Anh	
685	Trịnh Bình An	25/11/1996	Nữ	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
686	Hoàng Dũng Anh	23/01/1983	Nam	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
687	Trần Ngọc Ánh	18/5/1980	Nam	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	CBB
688	Phạm Minh Đạt	16/11/2000	Nam	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
689	Trần Anh Đức	05/01/1997	Nam	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
690	Vũ Văn Dũng	03/12/1991	Nam	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	MNN	
691	Lê Thị Ngọc Hà	10/11/2000	Nữ	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
692	Nguyễn Việt Hà	01/11/1984	Nam	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	CTB
693	Nguyễn Văn Hoàn	03/12/1998	Nam	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
694	Nguyễn Huy Hoàng	14/12/1999	Nam	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	DTTS
695	Nguyễn Thị Thu Hương	22/10/1998	Nữ	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
696	Trần Quang Huy	29/10/2000	Nam	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
697	Vũ Thị Chúc Khanh	06/10/2000	Nữ	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
698	Hoàng Thị Lan	15/11/1997	Nữ	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXD ĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
699	Đặng Tiến Long	27/3/1987	Nam	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	CĐCĐ
700	Hoàng Vân Lý	13/8/2000	Nữ	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
701	Tạ Thị Thanh Mai	10/3/2000	Nữ	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
702	Đặng Huyền My	17/11/1998	Nữ	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
703	Nguyễn Thị Bích Ngọc	22/01/1999	Nữ	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
704	Nguyễn Trọng Anh	20/11/1991	Nam	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	MNN	
705	Nguyễn Thị Nguyệt	28/10/1989	Nữ	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
706	Tạ Thị Thanh Nhân	8/10/1997	Nữ	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
707	Nguyễn Thị Lan Phương	03/10/1996	Nữ	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
708	Đoàn Hiếu Thảo	24/7/1988	Nam	ĐH	XD	Luật kinh tế	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	HTNV
709	Nguyễn Thừa Tiếp	08/6/1994	Nam	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
710	Phan Thị Việt Trinh	25/5/1997	Nữ	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
711	Mai Nhân Trọng	14/01/1980	Nam	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	CTB
712	Nguyễn Anh Tú	18/02/1995	Nam	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
713	Nguyễn Thị Vân	07/01/1999	Nữ	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
714	Trần Vũ	25/4/1989	Nam	ĐH	XD	Luật	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
715	Nguyễn Minh Ý	18/8/1996	Nam	ĐH	XD	Luật quốc tế	96	Đội QLTTXDĐT quận Bắc Từ Liêm	Luật	Anh	
716	Vũ Gia Bách	11/8/1996	Nam	Ths	TTR	Kỹ thuật xây dựng	97	Thanh tra quận Cầu Giấy	Xây dựng	Anh	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
717	Hoàng Năm	Thảo	04/4/1984	Nam	ĐH	TTR	Xây dựng cầu đường	97	Thanh tra quận Cầu Giấy	Xây dựng	MNN	
718	Lê Thị Minh	Anh	13/12/1991	Nữ	Ths	TTR	Tài chính - Ngân hàng	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Tài chính	Anh	
719	Nguyễn Hoàng	Anh	05/05/1993	Nam	ĐH	TTR	Tài chính	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Tài chính	Anh	
720	Trần Linh	Chi	18/6/1997	Nữ	Ths	TTR	Tài chính	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Tài chính	MNN	
721	Dương Khắc	Đông	15/10/1994	Nam	ĐH	TTR	Tài chính - Ngân hàng	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Tài chính	Anh	
722	Hà Thị Thanh	Dung	09/4/1991	Nữ	Ths	TTR	Tài chính - Ngân hàng	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Tài chính	Anh	
723	Nguyễn Thị Hà	Linh	22/5/1990	Nữ	ĐH	TTR	Tài chính - Ngân hàng	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Tài chính	Anh	
724	Hà Thảo	Ngân	05/12/1997	Nữ	ĐH	TTR	Tài chính - Ngân hàng	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Tài chính	Anh	
725	Nguyễn Minh	Tâm	20/12/1998	Nữ	ĐH	TTR	Tài chính - Ngân hàng	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Tài chính	Anh	
726	Nguyễn Hồng	Uyên	25/10/1999	Nữ	ĐH	TTR	Tài chính - Ngân hàng	98	Thanh tra quận Cầu Giấy	Tài chính	Anh	
727	Phạm Văn	Bình	01/12/1997	Nam	ĐH	TTR	Luật	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	
728	Ngô Chí	Cường	23/2/1995	Nam	ĐH	TTR	Luật	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	
729	Hoàng Minh	Dôn	24/6/1997	Nam	ĐH	TTR	Luật	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	DTTS
730	Nguyễn Trường	Giang	11/9/1996	Nam	ĐH	TTR	Luật	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	
731	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	13/11/1997	Nữ	ĐH	TTR	Luật	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	
732	Nguyễn Minh	Hiếu	03/4/1999	Nam	ĐH	TTR	Luật	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	
733	Trần Thu	Huyền	05/02/1998	Nữ	ĐH	TTR	Luật	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	
734	Bùi Huệ Ngọc	Mai	22/3/1992	Nữ	ĐH	TTR	Luật	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	
735	Hoàng Thị Đan	Phương	12/5/1996	Nữ	ĐH	TTR	Luật	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	
736	Trần Mai	Phương	01/01/2000	Nữ	ĐH	TTR	Luật	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
737	Lương Hùng Quyền	14/4/2000	Nam	ĐH	TTR	Luật	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	
738	Nguyễn Thế Thanh	17/4/1993	Nam	ĐH	TTR	Luật	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	
739	Phạm Duy Thành	13/11/1998	Nam	ĐH	TTR	Luật	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	
740	Phan Thị thu Thủy	11/2/1995	Nữ	ĐH	TTR	Luật	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	
741	Nguyễn Tiến Tiến	07/7/1996	Nam	ĐH	TTR	Luật	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	
742	Cần Linh Trang	04/9/1998	Nữ	ĐH	TTR	Luật	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	
743	Phạm Tuấn Vương	14/02/1998	Nam	ĐH	TTR	Luật học	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	
744	Vũ Thị Hải Yến	03/7/1994	Nữ	ĐH	TTR	Luật học	99	Thanh tra quận Cầu Giấy	Luật	Anh	
745	Nguyễn Thị Hồng Anh	09/11/1988	Nữ	ĐH	YT	Dược	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Dược	Anh	
746	Nguyễn Văn Anh	28/7/1994	Nữ	ĐH	YT	Dược học	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Dược	Anh	
747	Phạm Hiền Anh	12/6/1994	Nữ	ĐH	YT	Dược học	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Dược	Anh	
748	Đặng Thị Thu Cúc	08/4/1993	Nữ	ĐH	YT	Dược học	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Dược	Anh	CLS
749	Nghiêm Thu Hằng	20/10/1995	Nữ	ĐH	YT	Dược sĩ	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Dược	Anh	CĐCĐ
750	Nguyễn Khánh Huyền	02/02/1994	Nữ	ĐH	YT	Hóa Dược	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Dược	Anh	
751	Vũ Hồ Khánh Linh	10/11/1998	Nữ	ĐH	YT	Dược	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Dược	Anh	
752	Nguyễn Kim Ngân	29/9/1992	Nữ	ĐH	YT	Dược	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Dược	Anh	
753	Vũ Nhân Quỳnh	07/5/1982	Nữ	ĐH	YT	Dược	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Dược	Anh	CĐCĐ
754	Nguyễn Thị Thu Thảo	02/12/1997	Nữ	ĐH	YT	Dược học	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Dược	Anh	
755	Nguyễn Anh Tú	30/3/1995	Nam	ĐH	YT	Dược	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Dược	Anh	
756	Nguyễn Thị Hải Yến	11/6/1998	Nữ	ĐH	YT	Dược	100	Phòng Y tế quận Cầu Giấy	Dược	Anh	
757	Nguyễn Quang Anh	23/10/1996	Nam	ĐH	CT	Luật Kinh tế	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Kinh tế; Luật.	Anh	HTNVC A
758	Nguyễn Thế Anh	29/8/1998	Nam	ĐH	CT	Luật kinh tế	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Kinh tế; Luật.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
759	Nguyễn Hoàng Hiệp	29/12/2000	Nam	ĐH	CT	Luật	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Kinh tế; Luật.	Anh	
760	Phạm Hoàng Hùng	05/7/1999	Nam	ĐH	CT	Kinh tế	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Kinh tế; Luật.	MNN	
761	Nguyễn Đức Mạnh	16/11/1999	Nam	ĐH	CT	Luật	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Kinh tế; Luật.	Anh	
762	Nguyễn Thành Nam	28/5/1997	Nam	ĐH	CT	Luật	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Kinh tế; Luật.	Anh	
763	Nhữ Minh Quang	15/01/1999	Nam	ĐH	CT	Kinh tế tài nguyên	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Kinh tế; Luật.	Anh	
764	Đỗ Hải Sơn	27/01/1999	Nam	ĐH	CT	Kinh tế	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Kinh tế; Luật.	Anh	
765	Nguyễn Kim Thu	06/8/2000	Nữ	ĐH	CT	Luật	101	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Kinh tế; Luật.	Anh	
766	Đặng Trần Dũng	19/11/1994	Nam	ĐH	TN	Quản lý tài nguyên và môi trường	102	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Anh	
767	Nguyễn Thị Lan Hương	17/6/1989	Nữ	Ths	TN	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	102	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Anh	
768	Nguyễn Thị Ngọc Phương	05/8/1990	Nữ	ĐH	TN	Kinh tế tài nguyên và Môi trường	102	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Anh	
769	Đỗ Việt Thành	26/5/1995	Nam	ĐH	TN	Quản lý tài nguyên và Môi trường	102	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Anh	
770	Hà Văn Thới	18/3/1980	Nam	Ths	TN	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	102	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Anh	CTB
771	Nguyễn Thị Trang	27/8/1989	Nữ	ĐH	TN	Khoa học môi trường	102	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	Anh	
772	Nguyễn Mạnh Tùng	18/12/1993	Nam	ĐH	TN	Quản lý môi trường	102	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý Tài nguyên và Môi trường.	MNN	
773	Nguyễn Quyền Anh	24/8/1999	Nam	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý đất đai.	Anh	
774	Phạm Tuấn Cường	05/6/1990	Nam	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý đất đai.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
775	Lê Thị Dung	23/8/1995	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý đất đai.	Anh	
776	Nguyễn Thị Thùy Linh	04/10/1997	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý đất đai.	Anh	
777	Vương Đức Mạnh	22/8/1996	Nam	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý đất đai.	Anh	
778	Dương Trà My	18/9/1998	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý đất đai.	Anh	
779	Nguyễn Hồng Nhung	21/11/1992	Nữ	Ths	TN	Quản lý đất đai	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý đất đai.	Anh	
780	Cao Như Quỳnh	02/7/1995	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý đất đai.	Anh	
781	Trần Thị Minh Thư	16/8/1998	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý đất đai.	Anh	
782	Nguyễn Thanh Thủy	28/3/1997	Nữ	ĐH	TN	Quản lý đất đai	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý đất đai.	Anh	
783	Lê Đình Toàn	28/8/1992	Nam	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý đất đai.	Anh	
784	Nguyễn Hà Trang	22/9/1997	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý đất đai.	Anh	
785	Lương Anh Tú	20/10/1988	Nam	Ths	TN	Quản lý Đất đai	103	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Quản lý đất đai.	Anh	
786	Nguyễn Đức Anh	30/4/1998	Nam	ĐH	TN	Luật	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Luật; Địa chính; Quản lý đất đai.	Anh	
787	Nguyễn Hà Đức Anh	29/11/1990	Nam	ĐH	TN	Luật	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Luật; Địa chính; Quản lý đất đai.	Anh	
788	Phạm Duy Anh	18/10/1997	Nam	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Luật; Địa chính; Quản lý đất đai.	Anh	
789	Trần Thị Phương Anh	04/9/1997	Nữ	ĐH	TN	Quản lý đất đai	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Luật; Địa chính; Quản lý đất đai.	Anh	
790	Trần Ninh Chi	10/10/1985	Nữ	ĐH	TN	Địa chính	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Luật; Địa chính; Quản lý đất đai.	Anh	
791	Đào Thúy Linh	26/01/1985	Nữ	ĐH	TN	Luật	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Luật; Địa chính; Quản lý đất đai.	MNN	
792	Nguyễn Thị Thảo My	02/11/1996	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Luật; Địa chính; Quản lý đất đai.	Anh	
793	Đặng Thị Ngọc Thảo	24/02/2000	Nữ	ĐH	TN	Luật	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Luật; Địa chính; Quản lý đất đai.	Anh	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
794	Nguyễn Phương	Thoa	20/10/1991	Nữ	ĐH	TN	Luật	104	Phòng TN&MT quận Hoàn Kiếm	Luật; Địa chính; Quản lý đất đai.	Anh	
795	Hà Minh	Chung	05/5/2000	Nam	ĐH	TP	Luật	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	
796	Dương Ngọc	Hung	20/5/1993	Nam	ĐH	TP	Luật	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	
797	Trương Đức	Lai	04/9/1990	Nam	ĐH	TP	Luật	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	DTTS
798	Bùi Thị	Luyến	30/3/1993	Nữ	ĐH	TP	Luật	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	
799	Trần Bá	Thọ	03/12/1992	Nam	ĐH	TP	Luật	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	
800	Lương Thị	Thúy	27/6/1992	Nữ	ĐH	TP	Luật	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Trung	
801	Hoàng Thị Bảo	Trang	29/01/1991	Nữ	Ths	TP	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	
802	Nguyễn Đức	Trung	15/4/1996	Nam	ĐH	TP	Luật	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	
803	Nguyễn Chí	Tùng	31/5/1994	Nam	ĐH	TP	Luật	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	
804	Vũ Tuấn	Việt	01/5/1999	Nam	ĐH	TP	Luật	105	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	
805	Nguyễn Thị Thu	Hằng	27/8/1998	Nữ	ĐH	NV1	Luật	106	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	
806	Đào Vũ Quang	Huy	10/02/1999	Nam	ĐH	NV1	Luật	106	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	
807	Nguyễn Hương	Lam	8/12/1997	Nữ	ĐH	NV1	Luật	106	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	
808	Phạm Thị Hải	Ly	17/01/2000	Nữ	ĐH	NV1	Luật	106	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	
809	Nguyễn Thảo	Quyên	19/8/2000	Nữ	ĐH	NV1	Luật học	106	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	
810	Phạm Thu	Thủy	02/6/1994	Nữ	Ths	NV1	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	106	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	
811	Đào Thị Thanh	Vân	23/10/1999	Nữ	ĐH	NV1	Luật	106	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	
812	Khổng Trường Túc	Vinh	17/3/1999	Nam	ĐH	NV1	Luật	106	Phòng Tư pháp quận Hoàn Kiếm	Luật.	Anh	
813	Đặng Văn	Diện	27/6/1983	Nam	ĐH	TT	Báo chí	108	Phòng VH TT quận Hoàn Kiếm	Báo chí.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
814	Trần Bảo Khánh	30/10/1994	Nam	ĐH	TT	Báo chí	108	Phòng VH TT quận Hoàn Kiếm	Báo chí.	Anh	
815	Chung Thùy Linh	10/10/1991	Nữ	Ths	TT	Báo chí	108	Phòng VH TT quận Hoàn Kiếm	Báo chí.	Anh	
816	Lê Nhật Anh	08/02/1986	Nam	ĐH	QH	Kiến trúc	109	Phòng Quản lý đô thị quận Hoàn Kiếm	Kiến trúc	Anh	
817	Nguyễn Tất Đạt	04/10/1994	Nam	Ths	QH	Kiến trúc	109	Phòng Quản lý đô thị quận Hoàn Kiếm	Kiến trúc	*Anh	
818	Phạm Tuấn Phương	22/02/1983	Nam	ĐH	QH	Kiến trúc	109	Phòng Quản lý đô thị quận Hoàn Kiếm	Kiến trúc	Anh	
819	Vũ Thị Minh Huyền	02/01/1997	Nữ	ĐH	YT	Y đa khoa	110	Phòng Y tế quận Hoàn Kiếm	Y (Bác sỹ)	Anh	
820	Lê Diệu Linh	21/01/1996	Nữ	ĐH	NN3	Thú y	111	Phòng Kinh tế quận Hoàn Kiếm	Thú y	MNN	
821	Hà Phương	18/01/1984	Nam	ĐH	NN3	Thú y	111	Phòng Kinh tế quận Hoàn Kiếm	Thú y	Anh	
822	Nguyễn Thị Mai An	30/8/1996	Nữ	ĐH	LĐ	Bảo hiểm	112	Phòng LĐ TB&XH quận Hoàn Kiếm	Bảo hiểm	Anh	
823	Đặng Thị Linh	02/9/1987	Nữ	ĐH	LĐ	Bảo hiểm	112	Phòng LĐ TB&XH quận Hoàn Kiếm	Bảo hiểm	Anh	
824	Nguyễn Bảo Linh	07/12/1994	Nữ	ĐH	LĐ	Bảo hiểm	112	Phòng LĐ TB&XH quận Hoàn Kiếm	Bảo hiểm	Anh	
825	Lê Thu Trang	04/3/1996	Nữ	ĐH	LĐ	Bảo hiểm	112	Phòng LĐ TB&XH quận Hoàn Kiếm	Bảo hiểm	Anh	
826	Phùng Thị Huyền Trang	11/3/1999	Nữ	ĐH	LĐ	Bảo hiểm	112	Phòng LĐ TB&XH quận Hoàn Kiếm	Bảo hiểm	Anh	
827	Phạm Hải Long	01/3/1990	Nam	Ths	XD	Thiết kế xây dựng dân dụng	113	Đội QLTTXDĐT quận Long Biên	Xây dựng dân dụng.	MNN	
828	Nguyễn Bảo Ngọc	17/5/1996	Nam	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	113	Đội QLTTXDĐT quận Long Biên	Xây dựng dân dụng.	Anh	
829	Nguyễn Hoàng Nam	12/3/1983	Nam	ĐH	XD	Luật	114	Đội QLTTXDĐT quận Long Biên	Luật.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
830	Bùi Mạnh Toàn	04/12/1982	Nam	ĐH	XD	Luật	114	Đội QLTTXD ĐT quận Long Biên	Luật.	Anh	
831	Nguyễn Khoa Trung	26/6/1988	Nam	ĐH	XD	Luật kinh tế	114	Đội QLTTXD ĐT quận Long Biên	Luật.	Anh	
832	Nguyễn Tuấn Trung	23/01/1996	Nam	ĐH	XD	Luật	114	Đội QLTTXD ĐT quận Long Biên	Luật.	Anh	
833	Đỗ Tuấn	09/7/1986	Nam	ĐH	XD	Luật	114	Đội QLTTXD ĐT quận Long Biên	Luật.	Anh	
834	Phạm Văn An	23/11/1979	Nam	ĐH	XD	Kiến trúc	115	Đội QLTTXD ĐT quận Thanh Xuân	Xây dựng; Kiến trúc.	Anh	
835	Nguyễn Văn Linh	22/5/1994	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật công trình xây dựng	115	Đội QLTTXD ĐT quận Thanh Xuân	Xây dựng; Kiến trúc.	Anh	
836	Bùi Công Luyện	17/12/1994	Nam	ĐH	XD	Kiến trúc	115	Đội QLTTXD ĐT quận Thanh Xuân	Xây dựng; Kiến trúc.	Anh	
837	Nguyễn Thị Phượng	16/6/1994	Nữ	Ths	XD	Kiến trúc	115	Đội QLTTXD ĐT quận Thanh Xuân	Xây dựng; Kiến trúc.	Anh	
838	Tổng Minh Thành	26/11/1985	Nam	ĐH	XD	Xây dựng cầu đường	115	Đội QLTTXD ĐT quận Thanh Xuân	Xây dựng; Kiến trúc.	Anh	DTTS
839	Nguyễn Chiến	10/5/1992	Nam	Ths	XD	Quản lý xây dựng	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Xây dựng.	Anh	
840	Nguyễn Tiến Đại	18/10/1991	Nam	ĐH	XD	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Xây dựng.	Anh	
841	Nguyễn Văn Hải	12/11/1985	Nam	ĐH	XD	Xây dựng Cầu đường	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Xây dựng.	Anh	CBB
842	Trần Đức Linh	09/12/1992	Nam	ĐH	XD	Xây dựng cầu đường bộ	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Xây dựng.	Anh	
843	Hoàng Văn Nguyên	08/6/1993	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật công trình xây dựng	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Xây dựng.	Anh	
844	Khuất Văn Nội	25/02/1983	Nam	Ths	XD	Kỹ thuật xây dựng	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Xây dựng.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
845	Cần Thị Thiêm	29/10/1998	Nữ	ĐH	XD	Kinh tế Xây dựng	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Xây dựng.	Anh	
846	Dương Văn Trường	10/5/1998	Nam	ĐH	XD	Công nghệ kỹ thuật xây dựng đường bộ	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Xây dựng.	Anh	CTB
847	Lê Quang Tùng	20/12/1995	Nam	ĐH	XD	Xây dựng	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Xây dựng.	Anh	
848	Hà Quốc Việt	06/9/1995	Nam	ĐH	XD	Quản lý xây dựng	116	Phòng Quản lý đô thị Thị xã Sơn Tây	Xây dựng.	Anh	
849	Khuất Trọng Hiếu	10/4/1995	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật công trình Thủy	117	Phòng Kinh tế Thị xã Sơn Tây	Thủy lợi; Xây dựng.	Anh	
850	Nguyễn Vũ Long	31/8/1993	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật công trình xây dựng	117	Phòng Kinh tế Thị xã Sơn Tây	Thủy lợi; Xây dựng.	Anh	
851	Dương Trịnh Thu Sơn	11/8/1983	Nam	ĐH	NN1	Kỹ thuật công trình	117	Phòng Kinh tế Thị xã Sơn Tây	Thủy lợi; Xây dựng.	Anh	
852	Nguyễn Bá Chiến	07/9/1989	Nam	Ths	XD	Quản lý xây dựng	118	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Xây dựng.	Anh	
853	Nguyễn Viết Cường	12/01/1987	Nam	ĐH	XD	Kinh tế xây dựng công trình giao thông	118	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Xây dựng.	Anh	
854	Phùng Minh Đức Linh	03/12/1998	Nam	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	118	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Xây dựng.	Anh	
855	Lê Văn Tiến	24/7/1990	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	118	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Xây dựng.	Anh	
856	Nguyễn Sơn Tùng	26/6/1991	Nam	Ths	XD	Quản lý xây dựng	118	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Xây dựng.	Anh	
857	Nguyễn Hoàng Anh	04/7/1998	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Quản lý đất đai.	Anh	
858	Ngô Ngọc Ánh	9/9/1996	Nữ	ĐH	XD	Quản lý đất đai	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Quản lý đất đai.	Anh	
859	Hoàng Thị Xuân Ban	27/6/1990	Nữ	ĐH	XD	Quản lý đất đai	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Quản lý đất đai.	Anh	
860	Nguyễn Thị Bình	20/8/1985	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tây	Quản lý đất đai.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
861	Phí Mạnh Hanh	04/11/1998	Nam	ĐH	XD	Quản lý đất đai	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tân,	Quản lý đất đai.	Pháp	
862	Trần Văn Hiệp	29/4/1989	Nam	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tân,	Quản lý đất đai.	Anh	
863	Nguyễn Thị Thu Huyền	12/9/1992	Nữ	Ths	XD	Quản lý Đất đai	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tân,	Quản lý đất đai.	Anh	
864	Nguyễn Hữu Khôi	01/5/1998	Nam	ĐH	XD	Quản lý đất đai	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tân,	Quản lý đất đai.	Anh	
865	Lê Thị Diệu Linh	09/6/1993	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tân,	Quản lý đất đai.	Anh	
866	Trần Minh Phương	04/6/1997	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tân,	Quản lý đất đai.	Anh	
867	Đặng Ngọc Sơn	27/8/1985	Nam	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tân,	Quản lý đất đai.	Anh	
868	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	24/10/1997	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tân,	Quản lý đất đai.	Anh	
869	Đặng Anh Tú	08/3/1996	Nam	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	119	Đội QLTTXD ĐT Thị xã Sơn Tân,	Quản lý đất đai.	Anh	
870	Nguyễn Hoàng Kiên	26/01/1996	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật công trình xây dựng	120	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Xây dựng.	Anh	
871	Nguyễn Thị Thu Hiền	14/11/1999	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	121	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Quản lý đất đai.	Anh	
872	Nguyễn Khắc Hiếu	11/9/1994	Nam	ĐH	XD	Quản lý đất đai	121	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Quản lý đất đai.	Anh	
873	Nguyễn Thị Hồng	20/12/1994	Nữ	ĐH	XD	Quản lý đất đai	121	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Quản lý đất đai.	Anh	
874	Chu Đức Hưng	20/7/1997	Nam	ĐH	XD	Quản lý đất đai	121	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Quản lý đất đai.	Anh	
875	Đỗ Thị Quỳnh Anh	11/9/2000	Nữ	ĐH	XD	Luật	122	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Luật.	Anh	
876	Giang Thị Vân Anh	09/8/1995	Nữ	ĐH	XD	Luật Kinh tế	122	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Luật.	Anh	CTB
877	Lương Hoàng Phương Anh	25/7/1995	Nữ	ĐH	XD	Luật	122	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Luật.	Anh	
878	Nguyễn Trọng Cường	19/10/1989	Nam	ĐH	XD	Luật kinh doanh	122	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Luật.	Anh	
879	Đỗ Thị Lan	04/01/1998	Nữ	ĐH	XD	Luật	122	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Luật.	Anh	
880	Đỗ Thành Long	18/11/2000	Nam	ĐH	XD	Luật	122	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Luật.	Anh	
881	Phan Thị Khánh Ly	21/6/1998	Nữ	ĐH	XD	Luật	122	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Luật.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
882	Lê Văn Thân	03/6/1980	Nam	ĐH	XD	Luật Kinh tế	122	Đội QLTTXD ĐT huyện Ba Vì	Luật.	Anh	
883	Nguyễn Thị Duyên	28/10/1979	Nữ	Ths	NV1	Quản trị kinh doanh	124	VP HĐND và UBND huyện Đan Phượng	Quản trị kinh doanh; Hành chính; Luật; Quản lý đất đai.	Anh	CTB
884	Nguyễn Thị Thúy Hằng	09/8/1990	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý Đất đai	124	VP HĐND và UBND huyện Đan Phượng	Quản trị kinh doanh; Hành chính; Luật; Quản lý đất đai.	Anh	
885	Nguyễn Thùy Linh	03/5/1998	Nữ	ĐH	NV1	Quản trị kinh doanh	124	VP HĐND và UBND huyện Đan Phượng	Quản trị kinh doanh; Hành chính; Luật; Quản lý đất đai.	Anh	
886	Nguyễn Đình Long	03/9/1999	Nam	ĐH	NV1	Quản trị kinh doanh	124	VP HĐND và UBND huyện Đan Phượng	Quản trị kinh doanh; Hành chính; Luật; Quản lý đất đai.	Anh	
887	Nguyễn Hồng Thư	24/4/1986	Nữ	ĐH	NV1	Luật	124	VP HĐND và UBND huyện Đan Phượng	Quản trị kinh doanh; Hành chính; Luật; Quản lý đất đai.	Anh	
888	Hồ Thị Hoài Thương	18/5/1999	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý nhà nước	124	VP HĐND và UBND huyện Đan Phượng	Quản trị kinh doanh; Hành chính; Luật; Quản lý đất đai.	Anh	
889	Phùng Khắc Tuấn	18/8/1990	Nam	ĐH	NV1	Quản trị kinh doanh	124	VP HĐND và UBND huyện Đan Phượng	Quản trị kinh doanh; Hành chính; Luật; Quản lý đất đai.	Anh	
890	Nguyễn Viết Đức	22/7/1978	Nam	Ths	TP	Luật Kinh tế	125	Phòng Tư pháp huyện Đan Phượng	Luật.	Anh	
891	An Thị Hằng	28/01/1987	Nữ	ĐH	TP	Luật	125	Phòng Tư pháp huyện Đan Phượng	Luật.	Anh	
892	Lê Thị Loan	07/9/1998	Nữ	ĐH	TP	Luật học	125	Phòng Tư pháp huyện Đan Phượng	Luật.	Anh	
893	Nguyễn Thanh Quý	11/3/1997	Nữ	ĐH	TP	Luật	125	Phòng Tư pháp huyện Đan Phượng	Luật.	Anh	
894	Nguyễn Trường Sơn	30/3/1998	Nam	ĐH	TP	Luật	125	Phòng Tư pháp huyện Đan Phượng	Luật.	Anh	
895	Đỗ Phạm Ngọc YẾN	06/9/1987	Nữ	ĐH	TP	Luật	125	Phòng Tư pháp huyện Đan Phượng	Luật.	Trung	
896	Bùi Thị Minh Huệ	06/01/1988	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm giáo dục mầm non	126	Phòng GD&ĐT huyện Đan Phượng	Sư phạm Mầm non, Giáo dục Mầm non	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điện ưu tiên
897	Thế Thị Lương	02/12/1984	Nữ	ĐH	GD	Giáo dục tiểu học	127	Phòng GD&ĐT huyện Đan Phượng	Sư phạm Tiểu học; Giáo dục Tiểu học.	Anh	
898	Vũ Lan Phương	30/3/1996	Nữ	ĐH	GD	Giáo dục tiểu học	127	Phòng GD&ĐT huyện Đan Phượng	Sư phạm Tiểu học; Giáo dục Tiểu học.	Anh	
899	Nguyễn Thị Hằng	18/3/1989	Nữ	ĐH	LĐ	Kế toán	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Kế toán.	Anh	
900	Nguyễn Thu Hằng	25/6/1984	Nữ	ĐH	LĐ	Kế toán	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Kế toán.	Anh	
901	Lại Đức Hiệp	11/7/1987	Nam	ĐH	LĐ	Kế toán	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Kế toán.	MNN	
902	Ngô Thị Ngọc Hương	05/6/1986	Nữ	ĐH	LĐ	Kế toán	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Kế toán.	Anh	CTB
903	Trần Thị Luyến	07/01/1990	Nữ	ĐH	LĐ	Kế toán	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Kế toán.	Anh	
904	Vũ Thị Sự	03/3/1985	Nữ	ĐH	LĐ	Kế toán	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Kế toán.	Anh	
905	Nguyễn Thị Thắm	21/5/1991	Nữ	ĐH	LĐ	Kế toán	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Kế toán.	Anh	
906	Lê Thị Thùy Thanh	12/10/1980	Nữ	ĐH	LĐ	Kế Toán	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Kế toán.	Anh	
907	Trần Thị Bạch Yến	07/10/1984	Nữ	ĐH	LĐ	Kế toán	129	Phòng LĐ TB&XH huyện Đan Phượng	Kế toán.	Anh	
908	Nguyễn Quốc Anh	09/5/1991	Nam	ĐH	XD	Quản lý xây dựng đô thị	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý XD; Kinh tếXD; Kiến trúc; Kỹ thuật công trình XD; Xây dựng Cầu - đường.	Anh	
909	Khuất Duy Biên	20/11/1989	Nam	ĐH	XD	Kinh tế xây dựng	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý XD; Kinh tếXD; Kiến trúc; Kỹ thuật công trình XD; Xây dựng Cầu - đường.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
910	Nguyễn Chu Biên	03/11/1987	Nam	ĐH	XD	Kinh tế xây dựng	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý XD; Kinh tếXD; Kiến trúc; Kỹ thuật công trình XD; Xây dựng Cầu - đường.	Anh	CBB
911	Đỗ Thanh Định	13/8/1981	Nam	ĐH	XD	Xây dựng cầu đường	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý XD; Kinh tếXD; Kiến trúc; Kỹ thuật công trình XD; Xây dựng Cầu - đường.	Anh	CBB
912	Phạm Anh Đức	21/11/1998	Nam	ĐH	XD	Kinh tế xây dựng	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý XD; Kinh tếXD; Kiến trúc; Kỹ thuật công trình XD; Xây dựng Cầu - đường.	Anh	
913	Đỗ Anh Dương	03/12/1993	Nam	ĐH	XD	Kiến trúc	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý XD; Kinh tếXD; Kiến trúc; Kỹ thuật công trình XD; Xây dựng Cầu - đường.	Pháp	
914	Bùi Hải Hà	11/8/1987	Nam	ĐH	XD	Công nghệ kỹ thuật xây dựng cầu đường bộ	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý XD; Kinh tế XD; Kiến trúc; Kỹ thuật công trình XD; Xây dựng Cầu - đường.	Anh	HTNV
915	Doãn Duy Linh	16/2/1989	Nam	ĐH	XD	Xây dựng cầu đường bộ	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý XD; Kinh tếXD; Kiến trúc; Kỹ thuật công trình XD; Xây dựng Cầu - đường.	Anh	
916	Trần Văn Lương	07/12/1998	Nam	ĐH	XD	Quản lý xây dựng	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý XD; Kinh tếXD; Kiến trúc; Kỹ thuật công trình XD; Xây dựng Cầu - đường.	Anh	
917	Nguyễn Đăng Quân	04/12/1994	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật công trình xây dựng	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý XD; Kinh tếXD; Kiến trúc; Kỹ thuật công trình XD; Xây dựng Cầu - đường.	Anh	
918	Nguyễn Phú Quý	06/3/1991	Nam	Ths	XD	Quản lý xây dựng	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý XD; Kinh tếXD; Kiến trúc; Kỹ thuật công trình XD; Xây dựng Cầu - đường.	Anh	HTNV
919	Nguyễn Đức Trung	05/5/1992	Nam	Ths	XD	Quản lý xây dựng	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý XD; Kinh tếXD; Kiến trúc; Kỹ thuật công trình XD; Xây dựng Cầu - đường.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
920	Tổng Văn Tùng	17/8/1995	Nam	ĐH	XD	Quản lý xây dựng	130	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý XD; Kinh tếXD; Kiến trúc; Kỹ thuật công trình XD; Xây dựng Cầu - đường.	Anh	
921	Trần Tuấn Anh	29/7/1995	Nam	ĐH	XD	Kinh tế	131	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Kinh tế quốc tế.	Anh	
922	Nguyễn Tùng Lâm	08/8/1994	Nam	ĐH	XD	Kinh tế quốc tế	131	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Kinh tế quốc tế.	Anh	
923	Vũ Hồng Sơn	11/6/1997	Nam	ĐH	XD	Luật kinh tế	132	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Luật kinh tế.	Anh	
924	Giang Phương Thảo	03/11/2000	Nữ	ĐH	XD	Luật Kinh tế	132	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Luật kinh tế.	Trung	
925	Chữ Minh Toàn	16/3/1986	Nam	Ths	XD	Luật	132	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Luật kinh tế.	Anh	HTNV
926	Nguyễn Thị Cẩm Anh	20/10/1988	Nữ	Ths	XD	Quản lý đất đai	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Quản lý đất đai.	Anh	
927	Nguyễn Tiến Đông	28/12/1994	Nam	Ths	XD	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Quản lý đất đai.	Anh	
928	Nguyễn Trí Dũng	13/8/1996	Nam	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Quản lý đất đai.	Anh	
929	Nguyễn Hải Dương	18/6/1999	Nữ	ĐH	XD	Quản lý tài nguyên môi trường	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Quản lý đất đai.	Anh	
930	Phạm Lê Duy	18/10/1996	Nam	ĐH	XD	Quản lý tài nguyên và môi trường	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Quản lý đất đai.	Anh	
931	Nguyễn Thị Minh Giang	29/12/1994	Nữ	ĐH	XD	Quản lý môi trường	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Quản lý đất đai.	Anh	
932	Bùi Thị Thu Hằng	10/9/1993	Nữ	ĐH	XD	Quản lý đất đai	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Quản lý đất đai.	Anh	
933	Nguyễn Huy Hoàng	19/12/1991	Nam	ĐH	XD	Quản lý đất đai	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Quản lý đất đai.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
934	Tạ Quang Huy	27/4/1978	Nam	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Quản lý đất đai.	Anh	
935	Nguyễn Hải Long	22/4/1988	Nam	Ths	XD	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Quản lý đất đai.	Anh	
936	Chu Thị Hồng Nhung	12/12/1994	Nữ	Ths	XD	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Quản lý đất đai.	Anh	
937	Đỗ Lan Phương	05/5/1997	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Quản lý đất đai.	Anh	
938	Nguyễn Thị Anh Phương	21/2/1995	Nữ	Ths	XD	Quản lý đất đai	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Quản lý đất đai.	Anh	
939	Nguyễn Thị Thu Trang	22/7/1994	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Quản lý đất đai.	Anh	
940	Nguyễn Thị Thu Trang	21/01/1987	Nữ	ĐH	XD	Khoa học môi trường	133	Đội QLTTXD ĐT huyện Đan Phượng	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Quản lý đất đai.	Anh	
941	Nguyễn Thị Ngọc Anh	25/5/1993	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý đất đai	134	VP HĐND và UBND huyện Đông Anh	Luật; Hành chính; Quản lý đất đai.	Anh	
942	Nguyễn Trung Đức	14/8/1994	Nam	ĐH	NV1	Quản lý Đất đai	134	VP HĐND và UBND huyện Đông Anh	Luật; Hành chính; Quản lý đất đai.	Anh	
943	Nguyễn Thị Ánh Hồng	20/02/2000	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý đất đai	134	VP HĐND và UBND huyện Đông Anh	Luật; Hành chính; Quản lý đất đai.	Anh	
944	Trần Thị Thanh Ngân	10/4/1997	Nữ	ĐH	NV1	Luật	134	VP HĐND và UBND huyện Đông Anh	Luật; Hành chính; Quản lý đất đai.	Anh	
945	Nguyễn Thị Kim Oanh	09/11/1994	Nữ	Ths	NV1	Quản lý công	134	VP HĐND và UBND huyện Đông Anh	Luật; Hành chính; Quản lý đất đai.	Anh	
946	Nghiêm Đức Tá	05/02/1992	Nam	ĐH	NV1	Quản lý đất đai	134	VP HĐND và UBND huyện Đông Anh	Luật; Hành chính; Quản lý đất đai.	Anh	
947	Ngô Thị Phương Thảo	13/7/1998	Nữ	ĐH	NV1	Quản lý nhà nước	134	VP HĐND và UBND huyện Đông Anh	Luật; Hành chính; Quản lý đất đai.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
948	Ngô Minh Thu	30/9/1997	Nữ	Ths	NV1	Quản lý đất đai	134	VP HĐND và UBND huyện Đông Anh	Luật; Hành chính; Quản lý đất đai.	Anh	
949	Lê Thu Hà	13/12/2000	Nữ	ĐH	LĐ	Luật	135	Phòng LĐTB&XH huyện Đông Anh	Luật; Công tác xã hội.	Anh	
950	Nguyễn Thu Trà	08/8/1998	Nữ	ĐH	LĐ	Công tác xã hội	135	Phòng LĐTB&XH huyện Đông Anh	Luật; Công tác xã hội.	Anh	
951	Trần Sĩ Cương	18/01/1996	Nam	Ths	NN2	Nông học	136	Phòng Kinh tế huyện Đông Anh	Trồng trọt.	Anh	
952	Đỗ Minh Dương	04/09/1986	Nam	ĐH	NN2	Khoa học cây trồng	136	Phòng Kinh tế huyện Đông Anh	Trồng trọt.	Anh	
953	Nguyễn Hữu Dương	12/03/1993	Nam	Ths	NN2	Khoa học cây trồng	136	Phòng Kinh tế huyện Đông Anh	Trồng trọt.	Anh	
954	Đặng Thị Hương	24/02/1997	Nữ	ĐH	NN2	Khoa học cây trồng	136	Phòng Kinh tế huyện Đông Anh	Trồng trọt.	Anh	
955	Nguyễn Thị Lan Anh	06/11/1999	Nữ	ĐH	TP	Luật	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Luật	Anh	
956	Ngô Ích Hiệp	10/8/1978	Nam	ĐH	TP	Luật	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Luật	Anh	
957	Hoàng Phú Hưng	15/01/1997	Nam	ĐH	TP	Luật	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Luật	Anh	
958	Nguyễn Anh Hường	04/8/1997	Nam	ĐH	TP	Luật	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Luật	Anh	
959	Vương Lê Ngọc Liên	02/3/1997	Nữ	ĐH	TP	Luật kinh tế	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Luật	Anh	
960	Hoàng Trang Linh	04/7/2000	Nữ	ĐH	TP	Luật	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Luật	Anh	
961	Nguyễn Thị Huyền Ngọc	12/12/1999	Nữ	ĐH	TP	Luật	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Luật	Anh	
962	Trần Thị Ngọc	19/6/1999	Nữ	ĐH	TP	Luật	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Luật	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điện ưu tiên
963	Đinh Anh Thiện	21/9/1994	Nam	ĐH	TP	Luật	137	Phòng Tư pháp huyện Đông Anh	Luật	Anh	DTTS
964	Trần Thị Lan Anh	12/11/2000	Nữ	ĐH	TP	Luật	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Luật.	Anh	
965	Lê Việt Hà	12/9/1990	Nam	ĐH	TP	Luật	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Luật.	Anh	
966	Võ Thu Hằng	27/6/1999	Nữ	ĐH	TP	Luật	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Luật.	Anh	
967	Nguyễn Minh Huy	29/9/2000	Nam	ĐH	TP	Luật	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Luật.	Anh	
968	Phạm Diệu Linh	10/9/1996	Nữ	ĐH	TP	Luật	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Luật.	Anh	DTTS
969	Phạm Nhật Linh	27/3/1989	Nữ	ĐH	TP	Luật Kinh Doanh	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Luật.	Anh	
970	Vũ Thị Nga	19/7/1997	Nữ	ĐH	TP	Luật	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Luật.	Anh	
971	Hoàng Ngọc Tân	14/02/1981	Nam	ĐH	TP	Luật dân sự	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Luật.	Anh	
972	Bùi Đức Thành	05/5/1997	Nam	ĐH	TP	Luật	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Luật.	Anh	
973	Hà Thị Vang	04/3/1998	Nữ	ĐH	TP	Luật	138	Phòng Tư pháp huyện Gia Lâm	Luật.	Anh	DTTS
974	Nguyễn Thị Khánh Linh	26/11/1998	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm Toán học	139	Phòng GD&ĐT huyện Gia Lâm	Sư phạm Toán.	Anh	
975	Bùi Thị Bích Phương	16/8/1989	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm Toán	139	Phòng GD&ĐT huyện Gia Lâm	Sư phạm Toán.	Anh	
976	Nguyễn Thị Thuý	04/11/1986	Nữ	Ths	GD	Sư phạm Toán học	139	Phòng GD&ĐT huyện Gia Lâm	Sư phạm Toán.	MNN	
977	Nguyễn Văn Tú	30/9/1999	Nam	ĐH	GD	Sư phạm toán học	139	Phòng GD&ĐT huyện Gia Lâm	Sư phạm Toán.	Anh	
978	Chu Ngọc Diệp	01/02/1999	Nữ	ĐH	YT	Y tế công cộng	140	Phòng Y tế huyện Gia Lâm	Y	Anh	
979	Nguyễn Quốc Anh	31/8/1997	Nam	ĐH	TN	Công nghệ kĩ thuật môi trường	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Môi trường.	Anh	
980	Nguyễn Thị Ngọc Lan	07/02/1993	Nữ	Ths	TN	Khoa học môi trường	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Môi trường.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Điện ưu tiên
981	Đặng Tùng Linh	17/9/1992	Nam	Ths	TN	Khoa học môi trường	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Môi trường.	Anh	HTNV
982	Nguyễn Thị Mai Lương	18/9/1996	Nữ	ĐH	TN	Khoa học Môi trường	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Môi trường.	Anh	
983	Nguyễn Bảo Ngọc	25/4/1997	Nam	ĐH	TN	Khoa học môi trường	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Môi trường.	Anh	
984	Nguyễn Thị Hồng Nhung	05/12/1995	Nữ	ĐH	TN	Khoa học môi trường	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Môi trường.	Anh	
985	Lê Kỳ Sơn	15/12/1996	Nam	ĐH	TN	Khoa học Môi trường	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Môi trường.	Anh	
986	Nguyễn Đức Thanh	15/10/1996	Nam	ĐH	TN	Khoa học môi trường	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Môi trường.	Anh	
987	Nguyễn Xuân Thành	26/8/1995	Nam	ĐH	TN	Khoa học môi trường	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Môi trường.	Anh	
988	Phạm Văn Tiến	17/02/1987	Nam	ĐH	TN	Môi Trường	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Môi trường.	Anh	
989	Nguyễn Thị Huyền Trang	18/7/1999	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Môi trường.	Anh	
990	Đặng Quốc Văn	29/9/1998	Nam	ĐH	TN	Môi Trường	141	Phòng TN&MT huyện Gia Lâm	Môi trường.	Anh	
991	Nguyễn Thị Hà	22/01/1990	Nữ	ĐH	LĐ	Tài chính - Ngân hàng	142	Phòng LĐT&XH huyện Gia Lâm	Tài chính- Ngân hàng.	Anh	
992	Trần Thanh Huyền	17/6/1995	Nữ	ĐH	LĐ	Tài chính - Ngân hàng	142	Phòng LĐT&XH huyện Gia Lâm	Tài chính- Ngân hàng.	Anh	
993	Triệu Thùy Linh	05/01/1998	Nữ	ĐH	LĐ	Tài chính - Ngân hàng	142	Phòng LĐT&XH huyện Gia Lâm	Tài chính- Ngân hàng.	Anh	DTTS
994	Tạ Thị Tú Quỳnh	31/10/1999	Nữ	ĐH	LĐ	Tài chính - Ngân hàng	142	Phòng LĐT&XH huyện Gia Lâm	Tài chính- Ngân hàng.	Anh	
995	Nguyễn Huyền Trang	29/9/1997	Nữ	ĐH	LĐ	Tài chính - Ngân hàng	142	Phòng LĐT&XH huyện Gia Lâm	Tài chính- Ngân hàng.	Anh	
996	Nguyễn Thu Trang	21/01/1994	Nữ	ĐH	LĐ	Tài chính - Ngân hàng	142	Phòng LĐT&XH huyện Gia Lâm	Tài chính- Ngân hàng.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
997	Lý Minh Tú	04/02/1992	Nam	ĐH	LĐ	Tài chính - Ngân hàng	142	Phòng LĐTĐ&XH huyện Gia Lâm	Tài chính- Ngân hàng.	Anh	
998	Dương Thị Phương Anh	07/01/1992	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	143	VP HĐND và UBND huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	
999	Lại Thị Hiền	31/10/1983	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	143	VP HĐND và UBND huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	CTB
1000	Bùi Mai Hồng	12/8/2000	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	143	VP HĐND và UBND huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	
1001	Đỗ Thị Huyền	06/07/1988	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	143	VP HĐND và UBND huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	
1002	Chu Thị Hoa Mai	14/11/1984	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	143	VP HĐND và UBND huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	
1003	Vũ Thị Nhung	28/4/1985	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	143	VP HĐND và UBND huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	CTB
1004	Nguyễn Thị Thu	02/6/1986	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	143	VP HĐND và UBND huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	
1005	Phạm Thị Xuân	26/01/1987	Nữ	ĐH	TC1	Kế toán	143	VP HĐND và UBND huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	
1006	Nguyễn Hoàng An	30/01/1994	Nam	Ths	TN	Quản lý Đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1007	Cao Ngọc Ánh	18/10/1998	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1008	Cần Mạnh Cường	17/12/1989	Nam	Ths	TN	Quản lý Đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1009	Đặng Cao Dũng	04/7/1994	Nam	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1010	Trần Vương Hải	19/4/1999	Nam	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1011	Nguyễn Xuân Hoàng	18/10/1994	Nam	ĐH	TN	Quản lý đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1012	Nguyễn Thị Mai Linh	23/11/1995	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1013	Nguyễn Văn Luận	23/8/1991	Nam	ĐH	TN	Quản lý đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1014	Nguyễn Hồng	Ngọc	17/02/1995	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1015	Nguyễn Minh	Phúc	25/10/1993	Nam	ĐH	TN	Quản lý đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1016	Tạ Thị Bích	Phượng	15/10/1995	Nữ	ĐH	TN	Quản lý đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1017	Nguyễn Hữu	Quỳnh	05/8/1992	Nam	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1018	Phạm Văn	Thành	05/11/1987	Nam	Ths	TN	Quản lý đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1019	Nguyễn Thị	Thứ	10/01/1994	Nữ	ĐH	TN	Quản lý đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1020	Bùi Trung	Thuật	25/01/1992	Nam	ĐH	TN	Quản lý đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1021	Phí Văn	Trường	24/8/1993	Nam	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1022	Phạm Quốc	Việt	24/3/1993	Nam	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	144	Phòng TN&MT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	SQDB
1023	Phí Thị Minh	Tiếp	20/6/1981	Nữ	ĐH	LĐ	Xã hội học	145	Phòng LĐTB&XH huyện Hoài Đức	Xã hội học.	Anh	
1024	Lương Xuân	Tĩnh	12/10/1989	Nam	ĐH	LĐ	Xã hội học	145	Phòng LĐTB&XH huyện Hoài Đức	Xã hội học.	Anh	
1025	Vương Duy	Cương	09/8/1995	Nam	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	146	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1026	Đàm Thị Phương	Hoa	03/6/1998	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	146	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1027	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	04/10/1997	Nữ	ĐH	XD	Quản lý đất đai	146	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1028	Bùi Văn	Phúc	18/5/1994	Nam	Ths	XD	Quản lý đất đai	146	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1029	Nguyễn Văn	Quang	07/7/1997	Nam	ĐH	XD	Quản lý đất đai	146	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1030	Chu Quang	Tuân	17/11/1996	Nam	ĐH	XD	Quản lý đất đai	146	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1031	Đỗ Thị Uyên	07/01/1997	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	146	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Quản lý đất đai.	Anh	
1032	Nguyễn Duy Chiến	25/01/1990	Nam	ĐH	XD	Kinh tế	147	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kinh tế.	Anh	
1033	Lê Tiến Đạt	05/10/1998	Nam	ĐH	XD	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên	147	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kinh tế.	Anh	
1034	Bùi Sơn Dương	16/10/1989	Nam	Ths	XD	Kinh tế	147	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kinh tế.	Anh	
1035	Tuấn Nguyễn Thắng	22/6/1993	Nam	ĐH	XD	Kinh tế và quản lý xây dựng	147	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kinh tế.	Anh	
1036	Nguyễn Thị Thu	31/12/1981	Nữ	ĐH	XD	Kinh tế	147	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kinh tế.	Anh	
1037	Phạm Thị Vận	02/02/1993	Nữ	Ths	XD	Quản lý Kinh tế	147	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kinh tế.	Anh	
1038	Phạm Quốc Anh	15/8/1997	Nữ	ĐH	XD	Quản lý xây dựng	148	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1039	Nguyễn Xuân Huy	21/5/1992	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật xây dựng	148	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1040	Nguyễn Thị Thu Hiền	17/02/1993	Nữ	ĐH	XD	Luật Kinh tế	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Luật kinh tế.	Anh	
1041	Trần Thị Hoa	07/8/1988	Nữ	ĐH	XD	Luật Kinh tế	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Luật kinh tế.	Anh	
1042	Uông Văn Lập	07/10/1991	Nam	Ths	XD	Luật kinh tế	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Luật kinh tế.	Anh	
1043	Nguyễn Thu Bảo Ngọc	17/8/1999	Nữ	ĐH	XD	Luật kinh tế	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Luật kinh tế.	Anh	DTTS
1044	Nguyễn Viết Phiên	23/10/1982	Nam	ĐH	XD	Luật kinh tế	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Luật kinh tế.	Anh	
1045	Nguyễn Văn Phúc	28/11/1985	Nam	ĐH	XD	Luật Kinh tế	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Luật kinh tế.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1046	Đào Bá Quân	26/01/1987	Nam	Ths	XD	Luật kinh tế	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Luật kinh tế.	Anh	
1047	Nguyễn Chung Thực	22/12/1981	Nam	ĐH	XD	Luật Kinh tế	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Luật kinh tế.	Anh	
1048	Nguyễn Huyền Trang	08/5/1996	Nữ	Ths	XD	Luật Kinh tế	149	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Luật kinh tế.	MNN	
1049	Đoàn Thị Thùy Dung	21/8/1998	Nữ	ĐH	XD	Kế toán	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	
1050	Nguyễn Trung Dũng	10/12/1989	Nam	ĐH	XD	Kế toán	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	
1051	Ngô Thị Hồng	07/5/1981	Nữ	Ths	XD	Kế toán	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	
1052	Nguyễn Đắc Hùng	29/11/1987	Nam	ĐH	XD	Kế toán	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	
1053	Phạm Thị Kim Loan	26/01/1992	Nữ	ĐH	XD	Kế toán	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	
1054	Nguyễn Văn Luật	10/12/1984	Nam	ĐH	XD	Kế toán	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	
1055	Phùng Thị Ngọc	26/4/1985	Nữ	ĐH	XD	Kế toán	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	
1056	Chu Chung Thành	30/10/1990	Nam	ĐH	XD	Kế toán	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	
1057	Kiều Thị Thom	12/02/1992	Nữ	ĐH	XD	Kế toán	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	
1058	Nguyễn Thị Tuyết	11/6/1986	Nữ	Ths	XD	Kế toán	150	Đội QLTTXD ĐT huyện Hoài Đức	Kế toán.	Anh	
1059	Trần Việt Anh	01/10/1992	Nam	ĐH	TTR	Quản lý nhà nước	151	VP HĐND và UBND huyện Phú Xuyên	Quản lý nhà nước; Hành chính học.	Anh	
1060	Trần Trung Kiên	21/3/1995	Nam	ĐH	TTR	Quản lý nhà nước	151	VP HĐND và UBND huyện Phú Xuyên	Quản lý nhà nước; Hành chính học.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1061	Nguyễn Đức Minh	24/11/1999	Nam	ĐH	TTR	Quản lý nhà nước	151	VP HĐND và UBND huyện Phú Xuyên	Quản lý nhà nước; Hành chính học.	Anh	
1062	Nguyễn Văn Sơn	10/3/1990	Nam	ĐH	TTR	Hành chính học	151	VP HĐND và UBND huyện Phú Xuyên	Quản lý nhà nước; Hành chính học.	Anh	
1063	Nguyễn Huy Thế	26/10/1997	Nam	ĐH	TTR	Quản lý nhà nước	151	VP HĐND và UBND huyện Phú Xuyên	Quản lý nhà nước; Hành chính học.	Anh	
1064	Đỗ Đức Thiện	11/7/1998	Nam	ĐH	TTR	Quản lý nhà nước	151	VP HĐND và UBND huyện Phú Xuyên	Quản lý nhà nước; Hành chính học.	Anh	
1065	Đinh Việt Trung	27/7/1994	Nam	ĐH	TTR	Quản lý nhà nước	151	VP HĐND và UBND huyện Phú Xuyên	Quản lý nhà nước; Hành chính học.	Anh	
1066	Bùi Văn Anh	16/10/1999	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	Anh	
1067	Hoàng Thị Tuyết Ánh	24/4/1989	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	Anh	
1068	Phạm Văn Cảnh	24/9/1989	Nam	ĐH	TC2	Kế toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	Anh	
1069	Vũ Huy Cường	23/10/1987	Nam	ĐH	TC2	Kế Toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	Anh	
1070	Đặng Quang Đơn	01/02/1995	Nam	ĐH	TC2	Kế toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	Anh	
1071	Nguyễn Thị Hạnh	23/11/1990	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	Anh	
1072	Phan Thị Mỹ Hạnh	27/11/1986	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán, phân tích và kiểm toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	MNN	
1073	Đỗ Thị Thu Hiền	04/5/1990	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	Anh	
1074	Phạm Thị Minh Hồng	01/10/1998	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	Anh	
1075	Trần Ngọc Long	12/01/1999	Nam	ĐH	TC2	Kế toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	Anh	
1076	Nguyễn Ngọc Hương Ly	22/11/2000	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	Anh	
1077	Đặng Thị Oanh	04/11/1989	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1078	Nguyễn Thái Sơn	15/12/1998	Nam	ĐH	TC2	Kế toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	Anh	
1079	Nguyễn Thị Thanh Thủy	17/9/1992	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	Anh	
1080	Nguyễn Thị Kiều Trang	09/9/1997	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	Anh	
1081	Trịnh Thu Trang	18/12/1993	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	Anh	
1082	Thái Thị Vân	7/12/1994	Nữ	Ths	TC2	Kế toán	152	Phòng TC-KH huyện Phú Xuyên	Kế toán.	Anh	
1083	Phan Kiều Anh	03/8/1994	Nữ	ĐH	NV2	Lưu trữ học	153	VP HĐND và UBND huyện Phúc Thọ	Văn thư; Lưu trữ.	Anh	
1084	Hoàng Thị Thanh Bình	23/8/1982	Nữ	ĐH	NV1	Luật Kinh tế	154	VP HĐND và UBND huyện Phúc Thọ	Luật.	Anh	
1085	Mạc Thu Hà	17/8/1998	Nữ	ĐH	NV1	Luật	154	VP HĐND và UBND huyện Phúc Thọ	Luật.	Trung	DTTS
1086	Cần Thị Thu Huyền	19/8/1998	Nữ	ĐH	NV1	Luật	154	VP HĐND và UBND huyện Phúc Thọ	Luật.	Anh	
1087	Phạm Nam Phương	16/3/2000	Nữ	ĐH	NV1	Luật	154	VP HĐND và UBND huyện Phúc Thọ	Luật.	Anh	
1088	Đỗ Thị Thức	14/01/1990	Nữ	ĐH	NV1	Luật	154	VP HĐND và UBND huyện Phúc Thọ	Luật.	Anh	
1089	Nguyễn Tô Thùy Dương	30/4/2000	Nữ	ĐH	NV3	Luật	155	Phòng Nội vụ huyện Phúc Thọ	Hành chính; Luật; Tin học ứng dụng.	Anh	
1090	Nguyễn Văn Hoan	03/01/2000	Nam	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	155	Phòng Nội vụ huyện Phúc Thọ	Hành chính; Luật; Tin học ứng dụng.	Anh	
1091	Nguyễn Thị Nhân	22/5/1997	Nữ	ĐH	NV3	Luật	155	Phòng Nội vụ huyện Phúc Thọ	Hành chính; Luật; Tin học ứng dụng.	Anh	
1092	Vương Thị Nụ	07/02/1997	Nữ	ĐH	NV3	Quản lý nhà nước	155	Phòng Nội vụ huyện Phúc Thọ	Hành chính; Luật; Tin học ứng dụng.	Anh	
1093	Nguyễn Lan Anh	11/11/1986	Nữ	ĐH	XD	Cấp thoát nước	156	Phòng Quản lý đô thị huyện Phúc Thọ	Cấp thoát nước.	Anh	
1094	Nguyễn Thành Đạt	01/5/1989	Nam	ĐH	XD	Cấp thoát nước	156	Phòng Quản lý đô thị huyện Phúc Thọ	Cấp thoát nước.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1095	Nguyễn Hải Hậu	11/12/1985	Nam	ĐH	XD	Kiến trúc sư quy hoạch	157	Phòng Quản lý đô thị huyện Phúc Thọ	Kiến trúc sư quy hoạch.	Anh	CTB
1096	Nguyễn Văn Được	17/6/1998	Nam	ĐH	LĐ	Công tác xã hội	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Công tác xã hội.	Anh	
1097	Trần Thị Linh	26/11/1998	Nữ	ĐH	LĐ	Công tác xã hội	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Công tác xã hội.	Anh	
1098	Trần Thị Thùy	26/02/1999	Nữ	ĐH	LĐ	Công tác xã hội	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Công tác xã hội.	Anh	
1099	Nguyễn Thị Loan	06/01/1995	Nữ	ĐH	LĐ	Công tác xã hội	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Công tác xã hội.	Anh	
1100	Hoàng Thị Luyến	05/01/1995	Nữ	ĐH	LĐ	Công tác xã hội	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Công tác xã hội.	Anh	
1101	Đỗ Thị Kim Ngân	14/8/2000	Nữ	ĐH	LĐ	Công tác xã hội	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Công tác xã hội.	Anh	
1102	Lê Thị Kim Ngân	07/02/1994	Nữ	ĐH	LĐ	Công tác xã hội	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Công tác xã hội.	Anh	
1103	Nguyễn Thị Hồng Nhung	28/2/1997	Nữ	ĐH	LĐ	Công tác xã hội	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Công tác xã hội.	Anh	
1104	Nguyễn Thúy Hiền	24/11/1997	Nữ	ĐH	LĐ	Công tác xã hội	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Công tác xã hội.	Anh	
1105	Đỗ Thị Hoài Thu	18/9/1994	Nữ	ĐH	LĐ	Công tác xã hội	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Công tác xã hội.	Anh	
1106	Lê Thị Hoài Thương	11/3/1998	Nữ	ĐH	LĐ	Công tác xã hội	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Công tác xã hội.	Anh	
1107	Nguyễn Thị Thúy	12/6/1993	Nữ	ĐH	LĐ	Công tác xã hội	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Công tác xã hội.	Anh	
1108	Nguyễn Thu Thủy	20/8/1999	Nữ	ĐH	LĐ	Công tác xã hội	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Công tác xã hội.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1109	Vũ Hồng Vân	03/6/1997	Nữ	ĐH	LĐ	Công tác xã hội	158	Phòng LĐ TB&XH huyện Phúc Thọ	Công tác xã hội.	Anh	
1110	Hoàng Thị An	14/12/1990	Nữ	ĐH	TTR	Luật	159	Thanh tra huyện Phúc Thọ	Luật.	Anh	
1111	Nguyễn Văn Hậu	19/08/1996	Nam	ĐH	TTR	Luật	159	Thanh tra huyện Phúc Thọ	Luật.	Anh	HTNV
1112	Hoàng Mạnh Hùng	19/6/1991	Nam	ĐH	TTR	Luật	159	Thanh tra huyện Phúc Thọ	Luật.	Anh	
1113	Nguyễn Bá Hùng	25/10/1980	Nam	ĐH	TTR	Luật	159	Thanh tra huyện Phúc Thọ	Luật.	Anh	
1114	Trịnh Thị Xuân Liễu	24/01/1999	Nữ	ĐH	TTR	Luật	159	Thanh tra huyện Phúc Thọ	Luật.	Anh	
1115	Nguyễn Quyết Thắng	12/01/1989	Nam	ĐH	TTR	Luật học	159	Thanh tra huyện Phúc Thọ	Luật.	Anh	
1116	Nguyễn Thu Thủy	21/9/1999	Nữ	ĐH	TTR	Luật	159	Thanh tra huyện Phúc Thọ	Luật.	Trung	
1117	Nguyễn Thị Hạnh	13/02/1997	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm mầm non	160	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Sư phạm mầm non.	Anh	
1118	Đỗ Thị Thanh Hào	26/10/1975	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm mầm non	160	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Sư phạm mầm non.	Anh	
1119	Nguyễn Thu Thủy	02/10/1986	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm mầm non	160	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Sư phạm mầm non.	Anh	
1120	Nguyễn Xuân Công	22/3/1988	Nam	ĐH	GD	Sư phạm Toán học	161	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Sư phạm Toán.	Anh	
1121	Hoàng Thị Loan	22/6/1998	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm Toán học	161	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Sư phạm Toán.	Anh	
1122	Bùi Thị Thanh Thùy	04/7/1985	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm Toán học	161	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Sư phạm Toán.	Anh	
1123	Nguyễn Thùy Trang	03/11/1996	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm Toán học	161	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Sư phạm Toán.	Anh	
1124	Nguyễn Đình Văn	29/9/1981	Nam	ĐH	GD	Sư phạm Toán học	161	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Sư phạm Toán.	Anh	CBB
1125	Nguyễn Thị Vinh	16/01/1991	Nữ	ĐH	GD	Sư phạm Toán học	161	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Sư phạm Toán.	Anh	
1126	Nguyễn Thị Hiên	06/01/1997	Nữ	ĐH	GD	Quản lý giáo dục	162	Phòng GD&ĐT huyện Phúc Thọ	Quản lý giáo dục.	Anh	
1127	Nguyễn Thị Ngọc Anh	06/11/1997	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Quản lý đất đai; Địa chính; Trắc địa.	Anh	
1128	Hoàng Văn Bổng	30/8/1984	Nam	ĐH	TN	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Quản lý đất đai; Địa chính; Trắc địa.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1129	Khương Minh Đức	22/12/1995	Nam	ĐH	TN	Trắc địa bản đồ	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Quản lý đất đai; Địa chính; Trắc địa.	Anh	
1130	Phạm Thu Hiền	07/9/1988	Nữ	Ths	TN	Quản lý Đất đai	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Quản lý đất đai; Địa chính; Trắc địa.	Anh	
1131	Nguyễn Văn Hùng	20/4/1992	Nam	Ths	TN	Quản lý Đất đai	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Quản lý đất đai; Địa chính; Trắc địa.	Anh	
1132	Phạm Như Loan	01/3/1999	Nữ	ĐH	TN	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Quản lý đất đai; Địa chính; Trắc địa.	Anh	
1133	Đặng Thị Mai	20/9/1992	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Quản lý đất đai; Địa chính; Trắc địa.	Anh	
1134	Nguyễn Hải Nam	10/9/1994	Nam	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Quản lý đất đai; Địa chính; Trắc địa.	Anh	
1135	Trần Thị Ánh Nguyệt	15/12/1997	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Quản lý đất đai; Địa chính; Trắc địa.	Anh	
1136	Nguyễn Viết Quân	03/12/1994	Nam	Ths	TN	Địa chính	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Quản lý đất đai; Địa chính; Trắc địa.	Anh	
1137	Đỗ Thị Quyên	15/01/1998	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Quản lý đất đai; Địa chính; Trắc địa.	Anh	
1138	Nguyễn Thị Thảo	18/7/1990	Nữ	ĐH	TN	Quản lý đất đai	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Quản lý đất đai; Địa chính; Trắc địa.	Anh	CBB
1139	Vũ Thị Thủy	10/3/1995	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	163	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Quản lý đất đai; Địa chính; Trắc địa.	Anh	
1140	Đặng Ngọc Anh	06/9/1999	Nữ	ĐH	TN	Luật	164	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Luật.	Anh	
1141	Phạm Hồng Đức	24/9/1994	Nam	ĐH	TN	Luật	164	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Luật.	Anh	
1142	Nguyễn Phú Hiệp	05/3/1999	Nam	ĐH	TN	Luật	164	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Luật.	Nga	
1143	Đỗ Thị Phụng	11/6/2000	Nữ	ĐH	TN	Luật	164	Phòng TN&MT huyện Phúc Thọ	Luật.	Anh	
1144	Phùng Thị Quỳnh Anh	03/6/1993	Nữ	ĐH	CT	Quản trị kinh doanh	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Thương mại; Kinh tế; Quản trị kinh doanh; Luật.	Anh	
1145	Lê Thị Cúc	31/12/1999	Nữ	ĐH	CT	Luật Kinh tế	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Thương mại; Kinh tế; Quản trị kinh doanh; Luật.	Anh	
1146	Đỗ Thị Hiệp	04/01/1988	Nữ	Ths	CT	Quản trị kinh doanh	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Thương mại; Kinh tế; Quản trị kinh doanh; Luật.	Anh	
1147	Nguyễn Thế Hiếu	03/4/1984	Nam	ĐH	CT	Quản trị kinh doanh	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Thương mại; Kinh tế; Quản trị kinh doanh; Luật.	Anh	
1148	Trần Thị Ánh Hồng	09/06/1986	Nữ	Ths	CT	Quản trị kinh doanh	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Thương mại; Kinh tế; Quản trị kinh doanh; Luật.	Anh	CĐCĐ

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1149	Nguyễn Thùy Linh	19/9/1999	Nữ	ĐH	CT	Quản trị kinh doanh	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Thương mại; Kinh tế; Quản trị kinh doanh; Luật.	Anh	
1150	Nguyễn Khắc Long	16/12/1990	Nam	ĐH	CT	Quản trị kinh doanh	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Thương mại; Kinh tế; Quản trị kinh doanh; Luật.	Anh	
1151	Lê Thị Oanh	20/02/1987	Nữ	ĐH	CT	Quản trị kinh doanh	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Thương mại; Kinh tế; Quản trị kinh doanh; Luật.	Anh	
1152	Đặng Thị Thu Uyên	29/01/1996	Nữ	ĐH	CT	Quản trị kinh doanh	165	Phòng Kinh tế huyện Phúc Thọ	Thương mại; Kinh tế; Quản trị kinh doanh; Luật.	Anh	
1153	Khuất Thị Kim Anh	11/6/1984	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh	
1154	Lê Văn Bằng	18/02/1992	Nam	ĐH	TC2	Tài chính - Ngân hàng	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh	
1155	Nguyễn Thiện Minh Đức	26/7/1992	Nam	Ths	TC2	Kinh tế	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh	
1156	Nguyễn Thị Thanh Dung	10/09/1996	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh	
1157	Tô Thị Ngọc Hà	09/12/1993	Nữ	ĐH	TC2	Tài chính - Ngân hàng	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh	
1158	Nguyễn Quốc Hải	03/12/1989	Nam	ĐH	TC2	Kế toán	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh	
1159	Quách Thị Thu Hằng	17/7/1994	Nữ	Ths	TC2	Kế toán	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh	
1160	Khuất Thị Hồng	25/02/1993	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	MNN	
1161	Phạm Thị Thu Hường	22/01/1996	Nữ	ĐH	TC2	Kinh tế	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh	
1162	Nguyễn Thị Thu Huyền	06/11/1990	Nữ	Ths	TC2	Kinh tế	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh	
1163	Bùi Minh Khánh	19/10/1995	Nam	ĐH	TC2	Tài chính - Ngân hàng	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh	
1164	Vũ Thị Kiều Loan	06/9/1997	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh	
1165	Vương Văn Lượng	01/8/1989	Nam	Ths	TC2	Kế toán	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	MNN	
1166	Vũ Thùy Mai	07/12/1992	Nữ	Ths	TC2	Tài chính - Ngân hàng	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh	
1167	Cần Thị Kim Ngân	08/7/1998	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1168	Đỗ Thị Kim	Ngân	01/6/1997	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh
1169	Phạm Thị Trang	Nhung	10/3/1987	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh
1170	Đỗ Thị	Thảo	02/9/1989	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh
1171	Bùi Thị Phương	Thu	13/10/1997	Nữ	ĐH	TC2	Tài chính - Ngân hàng	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh
1172	Lê Xuân	Thu	15/02/1996	Nữ	ĐH	TC2	Kinh tế	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh
1173	Nguyễn Thị	Thu	05/9/1993	Nữ	ĐH	TC2	Kế toán	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh
1174	Kiều Thị Cẩm	Vân	22/9/1985	Nữ	ĐH	TC2	Tài chính - Kế toán	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh
1175	Đinh Thị	Yến	01/10/1991	Nữ	ĐH	TC2	Tài chính - Kế toán	166	Phòng TC-KH huyện Phúc Thọ	Tài chính; Kế toán; Kinh tế.	Anh
1176	Đoàn Thị Quế	Anh	19/5/1998	Nữ	ĐH	XD	Xây dựng	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Xây dựng; Kiến trúc; Luật.	Anh
1177	Đoàn Thị Minh	Châu	12/10/1991	Nữ	ĐH	XD	Luật kinh tế	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Xây dựng; Kiến trúc; Luật.	Anh
1178	Hoàng Tiến	Đạt	28/6/1997	Nam	ĐH	XD	Kiến Trúc sư quy hoạch vùng và đô thị	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Xây dựng; Kiến trúc; Luật.	Anh
1179	Ngô Tuấn	Đạt	28/11/1991	Nam	ĐH	XD	Kiến trúc	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Xây dựng; Kiến trúc; Luật.	Anh
1180	Ngô Minh	Đức	09/10/1990	Nam	ĐH	XD	Xây dựng	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Xây dựng; Kiến trúc; Luật.	Anh
1181	Lê Văn	Dũng	22/6/1990	Nam	ĐH	XD	Kinh tế Xây dựng	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Xây dựng; Kiến trúc; Luật.	MNN
1182	Nguyễn Thị	Hà	28/02/1997	Nữ	Ths	XD	Luật dân sự và tố tụng dân sự	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Xây dựng; Kiến trúc; Luật.	Anh
1183	Hoàng Văn	Hậu	17/12/1988	Nam	ĐH	XD	Luật	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Xây dựng; Kiến trúc; Luật.	Anh
1184	Nguyễn Danh	Hùng	29/9/1986	Nam	ĐH	XD	Xây dựng	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Xây dựng; Kiến trúc; Luật.	Anh
1185	Nguyễn Quang	Khải	17/9/1998	Nam	ĐH	XD	Xây dựng cầu hầm	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Xây dựng; Kiến trúc; Luật.	Anh

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1186	Nguyễn Quân Lương	10/9/1982	Nam	ĐH	XD	Luật	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Xây dựng; Kiến trúc; Luật.	Anh	
1187	Bùi Nhật Minh	04/10/1999	Nam	ĐH	XD	Luật	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Xây dựng; Kiến trúc; Luật.	Anh	
1188	Nguyễn Thị Thanh Ngân	30/5/1993	Nữ	ĐH	XD	Kiến trúc	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Xây dựng; Kiến trúc; Luật.	Anh	
1189	Lê Thị Thái	14/3/1986	Nữ	ĐH	XD	Luật	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Xây dựng; Kiến trúc; Luật.	Anh	
1190	Kiều Duy Toàn	04/10/1996	Nam	ĐH	XD	Quản lý xây dựng	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Xây dựng; Kiến trúc; Luật.	Anh	
1191	Tạ Tiến Toàn	01/9/1988	Nam	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	167	Đội QLTTXD ĐT huyện Phúc Thọ	Xây dựng; Kiến trúc; Luật.	Anh	
1192	Nguyễn Thanh Chiến	22/9/1991	Nam	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	168	Đội QLTTXD ĐT huyện Quốc Oai	Xây dựng; Kiến trúc quy hoạch; Luật, Quản lý đất đai.	Anh	
1193	Nguyễn Thị Thanh Hiền	08/12/1998	Nữ	ĐH	XD	Luật	168	Đội QLTTXD ĐT huyện Quốc Oai	Xây dựng; Kiến trúc quy hoạch; Luật, Quản lý đất đai.	Anh	
1194	Nguyễn Thị Huyền	01/02/1998	Nữ	ĐH	XD	Luật	168	Đội QLTTXD ĐT huyện Quốc Oai	Xây dựng; Kiến trúc quy hoạch; Luật, Quản lý đất đai.	Anh	
1195	Đào Thị Mỹ Linh	06/11/1993	Nữ	Ths	XD	Quản lý Đất đai	168	Đội QLTTXD ĐT huyện Quốc Oai	Xây dựng; Kiến trúc quy hoạch; Luật, Quản lý đất đai.	Anh	
1196	Nguyễn Quang Thiệu	03/11/1998	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật công trình xây dựng	168	Đội QLTTXD ĐT huyện Quốc Oai	Xây dựng; Kiến trúc quy hoạch; Luật, Quản lý đất đai.	Anh	
1197	Nguyễn Thị Xim	24/8/1999	Nữ	ĐH	XD	Luật	168	Đội QLTTXD ĐT huyện Quốc Oai	Xây dựng; Kiến trúc quy hoạch; Luật, Quản lý đất đai.	Anh	
1198	Nguyễn Đức Cảnh	20/9/1985	Nam	ĐH	TT	Công nghệ thông tin	169	VP HĐND và UBND huyện Sóc Sơn	Công nghệ thông tin, Tin học.	Anh	CTB
1199	Đỗ Thị Thảo	27/5/1985	Nữ	ĐH	TT	Công nghệ thông tin	169	VP HĐND và UBND huyện Sóc Sơn	Công nghệ thông tin, Tin học.	Anh	
1200	Trịnh Việt Hùng	31/12/1988	Nam	ĐH	QH	Kiến trúc	170	Phòng Quản lý đô thị huyện Sóc Sơn	Quy hoạch; Kiến trúc.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1201	Lê Trọng Nguyên	08/8/1991	Nam	ĐH	QH	Quy hoạch vùng và đô thị	170	Phòng Quản lý đô thị huyện Sóc Sơn	Quy hoạch; Kiến trúc.	Anh	
1202	Lưu Tuấn Thành	28/8/1995	Nam	ĐH	QH	Quy hoạch vùng và Đô thị	170	Phòng Quản lý đô thị huyện Sóc Sơn	Quy hoạch; Kiến trúc.	Anh	
1203	Nguyễn Quang Tùng	23/5/1991	Nam	ĐH	QH	Kiến trúc	170	Phòng Quản lý đô thị huyện Sóc Sơn	Quy hoạch; Kiến trúc.	Anh	
1204	Lê Minh Anh	06/6/1997	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	172	Phòng TN&MT huyện Sóc Sơn	Quản lý đất đai; Địa chính; Luật; Trắc địa.	Anh	
1205	Nguyễn Thành Đạt	19/8/1998	Nam	ĐH	TN	Trắc địa bản đồ	172	Phòng TN&MT huyện Sóc Sơn	Quản lý đất đai; Địa chính; Luật; Trắc địa.	Anh	
1206	Lê Thị Bích Ngọc	31/12/1990	Nữ	ĐH	TN	Luật	172	Phòng TN&MT huyện Sóc Sơn	Quản lý đất đai; Địa chính; Luật; Trắc địa.	Anh	
1207	Trần Ngọc Thanh	02/7/1981	Nam	ĐH	TN	Quản lý đất đai	172	Phòng TN&MT huyện Sóc Sơn	Quản lý đất đai; Địa chính; Luật; Trắc địa.	Anh	HTNV
1208	Đỗ Phương Trang	14/10/1999	Nữ	ĐH	TN	Luật	172	Phòng TN&MT huyện Sóc Sơn	Quản lý đất đai; Địa chính; Luật; Trắc địa.	Anh	
1209	Nguyễn Hà Trang	26/4/1997	Nữ	ĐH	TN	Quản lý Đất đai	172	Phòng TN&MT huyện Sóc Sơn	Quản lý đất đai; Địa chính; Luật; Trắc địa.	Anh	
1210	Cần Văn Quyết	18/02/1998	Nam	ĐH	NV2	Lưu trữ học	173	Phòng Nội vụ huyện Thạch Thất	Văn thư - Lưu trữ	Anh	
1211	Hà Thu Hằng	11/02/1983	Nữ	ĐH	YT	Công nghệ thực phẩm	174	Phòng Y Tế huyện Thạch Thất	Y; Công nghệ thực phẩm; An toàn thực phẩm.	Anh	
1212	Phạm Thị Lý	11/12/1987	Nữ	ĐH	YT	Kỹ thuật thực phẩm	174	Phòng Y Tế huyện Thạch Thất	Y; Công nghệ thực phẩm; An toàn thực phẩm.	Anh	
1213	Nguyễn Kim Hoàng	07/01/1990	Nam	ĐH	TTR	Luật Kinh tế	175	Thanh tra huyện Thanh Oai	Luật kinh tế.	Anh	
1214	Trần Nguyễn Hùng	20/11/1978	Nam	ĐH	TTR	Luật kinh tế	175	Thanh tra huyện Thanh Oai	Luật kinh tế.	Anh	
1215	Trần Văn Ngành	19/7/1976	Nam	ĐH	TTR	Luật kinh tế	175	Thanh tra huyện Thanh Oai	Luật kinh tế.	Anh	
1216	Trương Đức Quỳnh	25/7/1983	Nam	ĐH	TTR	Luật kinh tế	175	Thanh tra huyện Thanh Oai	Luật kinh tế.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1217	Nguyễn Văn Tuấn	05/9/1993	Nam	ĐH	TTR	Luật kinh tế	175	Thanh tra huyện Thanh Oai	Luật kinh tế.	Anh	
1218	Nguyễn Thị Yến	21/12/1989	Nữ	ĐH	TTR	Luật kinh tế	175	Thanh tra huyện Thanh Oai	Luật kinh tế.	Anh	
1219	Dương Đức Anh	11/9/1994	Nam	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1220	Nguyễn Kim Anh	10/11/1994	Nữ	ĐH	XD	Quản lý đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1221	Trần Ngọc Anh	03/12/1984	Nữ	Ths	XD	Quản lý Đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1222	Nguyễn Thị Ngọc Bích	19/11/1992	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1223	Nguyễn Đình Dự	19/9/1993	Nam	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1224	Nguyễn Thị Dung	16/12/1989	Nữ	ĐH	XD	Quản lý đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1225	Nguyễn Thị Thùy Dương	08/11/1998	Nữ	ĐH	XD	Quản lý đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1226	Đặng Thị Minh Hằng	12/02/1990	Nữ	Ths	XD	Quản lý đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1227	Nguyễn Thị Minh Hạnh	10/8/1998	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1228	Nguyễn Thị Thu Hương	22/10/1998	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1229	Nguyễn Quang Huy	23/12/1997	Nam	ĐH	XD	Quản lý đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1230	Đặng Thị Thanh Huyền	15/6/1994	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1231	Nguyễn Thị Huyền	05/12/1992	Nữ	ĐH	XD	Quản lý đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1232	Đỗ Khắc Kiên	26/9/1984	Nam	Ths	XD	Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng công nghiệp	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1233	Nguyễn Thế Kiên	01/8/1992	Nam	ĐH	XD	Quản lý đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1234	Nguyễn Văn Minh	7/11/1997	Nam	ĐH	XD	Quản lý đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1235	Nguyễn Thúy My	01/01/1994	Nữ	ĐH	XD	Quản lý đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1236	Nguyễn Thị Minh Ngọc	07/11/1993	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1237	Nguyễn Văn Ninh	07/12/1992	Nam	ĐH	XD	Quản lý đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1238	Nguyễn Thị Kim Oanh	12/10/1997	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1239	Nông Đức Tâm	21/9/1986	Nam	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	DTTS
1240	Nguyễn Mạnh Thái	12/4/1993	Nam	ĐH	XD	Quản lý đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1241	Nguyễn Trọng Thắng	24/8/1994	Nam	Ths	XD	Quản lý đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1242	Nguyễn Văn Thắng	16/6/1985	Nam	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1243	Nguyễn Công Thành	27/5/1995	Nam	Ths	XD	Quản lý Đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1244	Đào Anh Thịnh	05/7/1992	Nam	ĐH	XD	Quản lý đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1245	Nguyễn Thị Thu	03/3/1994	Nữ	ĐH	XD	Quản lý đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	MNN	
1246	Hoàng Văn Tiến	24/10/1998	Nam	ĐH	XD	Quản lý đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1247	Đặng Thu Trang	22/11/1991	Nữ	ĐH	XD	Quản lý xây dựng	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1248	Phùng Anh Tú	24/4/1993	Nam	Ths	XD	Quản lý Đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1249	Nguyễn Thị Tuyết	22/7/1991	Nữ	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1250	Lại Xuân Vũ	06/01/1991	Nam	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1251	Hà Quốc Vương	02/11/1995	Nam	ĐH	XD	Quản lý Đất đai	176	Đội QLTTXD ĐT huyện Thanh Oai	Xây dựng; Quản lý đất đai.	Anh	
1252	Nguyễn Thị Mai Anh	20/10/1990	Nữ	ĐH	TP	Luật kinh tế	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Luật.	Anh	
1253	Nguyễn Thị Hằng	12/12/2000	Nữ	ĐH	TP	Luật kinh tế	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Luật.	Trung	
1254	Nguyễn Việt Hùng	28/7/2000	Nam	ĐH	TP	Luật	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Luật.	Anh	DTTS
1255	Trịnh Thị Hường	20/9/1987	Nữ	ĐH	TP	Luật	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Luật.	Anh	
1256	Nguyễn Thị Thu Huyền	22/3/1995	Nữ	ĐH	TP	Luật	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Luật.	Anh	
1257	Lê Minh Ngọc	15/01/1996	Nữ	ĐH	TP	Luật học	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Luật.	MNN	
1258	Lê Thị Bích Ngọc	01/4/1992	Nữ	ĐH	TP	Luật học	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Luật.	MNN	
1259	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	28/9/1997	Nữ	ĐH	TP	Luật	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Luật.	Anh	
1260	Nguyễn Thùy Trang	09/10/1997	Nữ	ĐH	TP	Luật	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Luật.	Anh	
1261	Nguyễn Văn Tuấn	08/11/1992	Nam	ĐH	TP	Luật	177	Phòng Tư pháp huyện Ứng Hòa	Luật.	Anh	
1262	Nguyễn Thị Thúy Hiền	28/8/1998	Nữ	ĐH	NN2	Khoa học Cây trồng	178	Phòng Kinh tế huyện Ứng Hòa	Trồng trọt; Bảo vệ thực vật.	Anh	
1263	Nguyễn Thị Sao Mai	21/11/1999	Nữ	ĐH	NN2	Khoa học cây trồng	178	Phòng Kinh tế huyện Ứng Hòa	Trồng trọt; Bảo vệ thực vật.	Anh	
1264	Lý Đình Mạnh	19/01/1996	Nam	ĐH	NN2	Khuyến nông	178	Phòng Kinh tế huyện Ứng Hòa	Trồng trọt; Bảo vệ thực vật.	Anh	HT lớp CHTQS
1265	Mai Thanh Thùy	22/5/1986	Nữ	ĐH	NN2	Khoa học cây trồng	178	Phòng Kinh tế huyện Ứng Hòa	Trồng trọt; Bảo vệ thực vật.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1266	Cao Thị Ánh Tuyết	25/7/1994	Nữ	ĐH	NN2	Bảo vệ thực vật	178	Phòng Kinh tế huyện Ứng Hòa	Trồng trọt; Bảo vệ thực vật.	Anh	
1267	Bạch Văn An	08/5/1992	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật công trình xây dựng	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1268	Đỗ Văn Biên	22/9/1994	Nam	ĐH	XD	Công nghệ kỹ thuật xây dựng cầu đường bộ	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1269	Hà Văn Bình	28/8/1987	Nam	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1270	Phạm Quang Chiến	18/01/1991	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật xây dựng	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1271	Nguyễn Công Đoàn	31/5/1991	Nam	ĐH	XD	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1272	Ngô Đức Đông	21/10/1991	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật xây dựng	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1273	Nguyễn Thị Phương Dung	29/8/1990	Nữ	Ths	XD	Kỹ thuật XD Công trình giao thông	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1274	Hoàng Anh Dũng	02/11/1990	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật công trình xây dựng	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1275	Ngô Tiến Dũng	03/9/1987	Nam	Ths	XD	Kỹ thuật xây dựng công trình	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1276	Nguyễn Đức Dương	16/11/1990	Nam	Ths	XD	Kỹ thuật Xây dựng	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1277	Quản Hoàng Duy	14/9/1990	Nam	ĐH	XD	Công nghệ kỹ thuật xây dựng cầu đường bộ	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1278	Trương Tuấn Hải	18/9/1984	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật công trình xây dựng	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1279	Trần Thế Hiền	14/6/1990	Nam	ĐH	XD	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1280	Nguyễn Thiên Hoàng	26/6/1989	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật công trình xây dựng	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Trình độ	Mã thi viết Vòng 2	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Vị trí Đăng ký thi tuyển	Phòng, ban, đăng ký thi tuyển	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Diện ưu tiên
1281	Phùng Văn Hùng	05/6/1983	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật XD Công trình giao thông	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1282	Ngô Xuân Lộc	23/2/1995	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1283	Nguyễn Hữu Phúc	05/7/1997	Nam	ĐH	XD	Kỹ thuật công trình xây dựng	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	
1284	Tô Văn Vững	14/10/1989	Nam	Ths	XD	Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	179	Đội QLTTXD ĐT huyện Ứng Hòa	Kỹ thuật xây dựng.	Anh	

